Phụ lục 1

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU PHÂN CẤP CHO SỞ XÂY DỰNG VÀ UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số: 2461/QĐ-UBND ngày 13 /11/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định nội dung được sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
A	**Lĩnh vực: Hoạt động xây dựng**			
1	1.013237	Cấp mới chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.	Sở Xây dựng
2	1.013219	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.	Sở Xây dựng
3	1.013217	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.	Sở Xây dựng
4	1.013222	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.	Sở Xây dựng
5	1.013224	Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.	Sở Xây dựng
B	**Lĩnh vực: Đường bộ**			
6	1.013259	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.	Sở Xây dựng

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định nội dung được sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
7	1.013260	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 161/2024/NĐ-CP	Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.	Sở Xây dựng
8	1.013277	Chấp thuận đấu nối đối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch	Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.	Sở Xây dựng
C	**Lĩnh vực: Đường thủy nội địa**			
9	1.009459	Công bố mở luồng đường thuỷ nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, luồng đường thủy chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.	Sở Xây dựng
10	1.009460	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng	Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.	Sở Xây dựng
11	1.009465	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa	Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.	Sở Xây dựng; UBND cấp xã
12	2.002624	Chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương	Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.	UBND cấp xã
13	2.002625	Công bố khu vực, địa điểm tiếp nhận chất	Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy	UBND cấp xã

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định nội dung được sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
		nạo vét trên bờ	ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.	
D	**Lĩnh vực: Nhà ở và công sở**			
14	1.013769	Chuyển đổi công năng nhà ở không thuộc tài sản công	Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.	Sở Xây dựng
15	1.012891	Thủ tục thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương	Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.	Sở Xây dựng; UBND cấp xã
16	1.012892	Thủ tục cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp chưa có hợp đồng thuê nhà ở	Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.	UBND cấp xã
17	1.012897	Thủ tục cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp nhận chuyển quyền thuê nhà ở	Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.	UBND cấp xã
18	1.012898	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp ký lại hợp đồng thuê	Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.	UBND cấp xã
19	1.012883	Chuyển đổi công năng nhà ở đối với nhà ở xây dựng trong dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.	UBND cấp xã
20	1.012893	Thủ tục bán nhà ở cũ thuộc tài sản công	Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.	UBND cấp xã

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định nội dung được sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
21	1.012894	Thủ tục giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung của nhà ở cũ thuộc tài sản công	Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.	UBND cấp xã
E	**Lĩnh vực: Quản lý chất lượng công trình xây dựng**			
22	1.009791	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.	UBND cấp xã

II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG

1. Cấp mới chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng

1.1. Trình tự thực hiện

- Cá nhân nộp trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng đến Bộ phận một cửa.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề có trách nhiệm thông báo một lần bằng văn bản (nêu rõ lý do) tới cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả đánh giá hồ sơ của Hội đồng, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề thông báo kết quả đánh giá hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề (thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc bằng văn bản điện tử hoặc phương thức phù hợp với hình thức nộp hồ sơ) trước ngày cuối cùng của tháng đối với hồ sơ đã được tiếp nhận đầy đủ, hợp lệ trước ngày 15 của tháng đó hoặc trước ngày 15 của tháng tiếp theo đối với các trường hợp còn lại.

- Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày có thông báo kết quả đánh giá hồ sơ đủ điều kiện của Hội đồng, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề cấp chứng chỉ hành nghề cho cá nhân đủ điều kiện, đồng thời nhập dữ liệu để khởi tạo mã định danh trên Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp:

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu (Địa chỉ: Tầng 1, Toà nhà số 2, Khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu; Điện thoại: 02133.796.888).

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

- Qua hệ thống bưu chính công ích.

- Trực tuyến toàn trình qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 212/2026/NĐ-CP (bản gốc trong trường hợp nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính; trường hợp nộp trực tuyến thì kê khai thông tin trên biểu mẫu điện tử tương tác trên Cổng dịch vụ công quốc gia);

- Tệp tin ảnh màu cỡ 4x6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề được chụp trong thời gian không quá 06 tháng;

- Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin bản sao điện tử được chứng thực theo quy định: Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với lĩnh vực, hạng chứng chỉ hành nghề đề nghị cấp; trường hợp trên văn bằng không ghi hoặc ghi không rõ chuyên ngành đào tạo thì phải nộp kèm bảng điểm hoặc phụ lục văn bằng để làm cơ sở kiểm tra, đánh giá (đối với văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, trường hợp cá nhân là người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài phải là bản được hợp pháp hóa lãnh sự và bản dịch sang tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam; các trường hợp còn lại văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được hệ thống giáo dục Việt Nam công nhận). Trường hợp thông tin về văn bằng, trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo đã được lưu trữ, kết nối, chia sẻ và xác thực từ Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục hoặc cơ sở dữ liệu có thẩm quyền khác thì cá nhân không phải nộp tài liệu này;

- Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin bản sao điện tử được chứng thực theo quy định: Chứng chỉ hành nghề (nếu có) đã được cơ quan có thẩm quyền cấp trước đó phù hợp với thời gian và phạm vi chứng minh kinh nghiệm. Trường hợp thông tin chứng chỉ hành nghề đã được lưu trữ, cập nhật, kết nối, chia sẻ và xác thực trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng hoặc cơ sở dữ liệu của cơ quan chuyên môn về xây dựng thì cá nhân không phải nộp tài liệu này;

- Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin bản sao điện tử được chứng thực theo quy định: Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ) của tổ chức cho cá nhân hoặc văn bản xác nhận của đại diện hợp pháp của chủ đầu tư và chịu trách nhiệm về tính trung thực của nội dung xác nhận về các công việc mà cá nhân đã hoàn thành theo nội dung kê khai hoặc văn bản của các cơ quan chuyên môn về xây dựng có nội dung liên quan đến kinh nghiệm của cá nhân kê khai; hợp đồng kinh tế và biên bản nghiệm thu các công việc thực hiện đã kê khai đối với trường hợp cá nhân hành nghề độc lập;

- Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin bản sao điện tử được chứng thực theo quy định: Giấy tờ về cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài;

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 28 ngày làm việc kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân là công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài hoạt động xây dựng hợp pháp tại Việt Nam.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: *Sở Xây dựng*

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 212/2026/NĐ-CP. Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng được cấp, trả dưới dạng điện tử, gắn với mã định danh năng lực hoạt động xây dựng

của cá nhân và có giá trị pháp lý như bản giấy. Trường hợp cá nhân yêu cầu thì cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ trả chứng chỉ bản giấy.

1.8. Lệ phí, chi phí: Theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 212/2026/NĐ-CP (bản gốc trong trường hợp nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính; trường hợp nộp trực tuyến thì kê khai thông tin trên biểu mẫu điện tử tương tác trên Cổng dịch vụ công quốc gia).

- Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 212/2026/NĐ-CP.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Điều kiện chung

- Có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; có giấy tờ về cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

- Có trình độ chuyên môn phù hợp theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 212/2026/NĐ-CP. Trình độ chuyên môn phù hợp được xác định trên cơ sở chuyên ngành đào tạo được ghi tại văn bằng; trường hợp văn bằng không ghi rõ chuyên ngành đào tạo thì việc xác định chuyên môn đào tạo phù hợp được căn cứ vào bảng điểm hoặc phụ lục văn bằng; chuyên môn đào tạo phù hợp được xác định khi có môn học hoặc đồ án môn học hoặc đồ án tốt nghiệp phù hợp với lĩnh vực, nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 212/2026/NĐ-CP .

- Có kinh nghiệm nghề nghiệp phù hợp với hạng và lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề trong vòng 10 năm gần nhất tính đến thời điểm đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. Trường hợp sử dụng kinh nghiệm nghề nghiệp phù hợp nhưng quá 10 năm thì được đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề thấp hơn 01 hạng tại cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề.

- Thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề như sau:

+ Hạng I: Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành hoặc chuyên môn đào tạo phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 07 năm trở lên;

+ Hạng II: Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành hoặc chuyên môn đào tạo phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 04 năm trở lên;

+ Hạng III: Có chuyên ngành hoặc chuyên môn đào tạo phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành

nghề từ 02 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ đại học; từ 03 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ cao đẳng.

- Thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp được tính từ thời điểm cá nhân tham gia hoạt động xây dựng thể hiện tại đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoặc hợp đồng lao động hoặc xác nhận của bên sử dụng lao động hoặc bảo hiểm xã hội hoặc các giấy tờ tương tự. Trường hợp các thông tin này đã có trên Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng và đủ điều kiện khai thác, sử dụng theo quy định thì được sử dụng thay thế các giấy tờ tương ứng.

b) Điều kiện cụ thể đối với từng lĩnh vực, hạng chứng chỉ hành nghề Liệt kê cụ thể như mục điều kiện chung.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

- Nghị định số 212/2026/NĐ-CP ngày 17/6/2026 của Chính phủ quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

- Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Họ và tên: ……...…….....

2. Ngày, tháng, năm sinh(1): ……..…3. Quốc tịch: ……..…..….

4. Số định danh cá nhân/Số căn cước/Số hộ chiếu:……..…Ngày cấp:……

Nơi cấp……..……...

5. Địa chỉ thường trú: ……..……...

6. Số điện thoại(2):……Địa chỉ hòm thư điện tử: ……...……

7. Đơn vị công tác: …….……...

8. Trình độ chuyên môn (ghi rõ cơ sở đào tạo, chuyên ngành đào tạo): ……..

9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề: …….. năm.

10. Chứng chỉ hành nghề số: ……..…… Ngày cấp: ……

Nơi cấp: …….. Lĩnh vực hoạt động xây dựng ……

11. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng(3):

STT	**Thời gian công tác** (Từ tháng, năm đến tháng, năm)	**Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập** (Ghi rõ tên đơn vị)	**Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu**	**Ghi chú**
1			1. Tên Dự án/công trình/hạng mục công trình: …..... Nhóm dự án/Cấp công trình:….. Loại công trình: …… Địa điểm xây dựng công trình: Chủ đầu tư:…….. Chức danh/Nội dung công việc thực hiện: …….. 2. ….	
2				
…				

Đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với nội dung như sau:

Lĩnh vực hành nghề: ……. …….

Hạng: …….

□ Cấp mới

□ Cấp lại

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ: …….....

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ, nội dung kê khai trong đơn và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ hành nghề được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

□ Nhận chứng chỉ bản giấy (nếu cá nhân yêu cầu)

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

(1) Có thể thay thế các thông tin ngày, tháng, năm sinh, quốc tịch, số căn cước/căn cước công dân/hộ chiếu, địa chỉ thường trú bằng mã số định danh cá nhân.

(2) Số điện thoại, địa chỉ hòm thư điện tử phải là thông tin của cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

(3) Không yêu cầu kê khai trong trường hợp cá nhân cấp lại chứng chỉ hành nghề.

* Việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả thực hiện theo quy định về thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính và điều kiện tổ chức thực hiện của cơ quan có thẩm quyền.

Mẫu số 03

MẪU CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

<table>
<tr>
<td>

(Màu vàng nhạt)

(trang 4)

</td>
<td>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

(trang 1)

</td>
</tr>
<tr>
<td>

THÔNG TIN CÁ NHÂN

Số chứng chỉ: ABC-12345678

(Ban hành theo Quyết định số ..... ngày .../.../....)

ảnh 4x6 của người được cấp chứng chỉ

Họ và Tên: .....

Ngày tháng năm sinh: .....

Số định danh cá nhân/Số căn cước/Số hộ chiếu: .....

Cơ quan cấp số định danh cá nhân/số căn cước/số hộ chiếu:.....

Quốc tịch: .....

Cơ sở đào tạo: .....

Trình độ chuyên môn: .....

(trang 2)

</td>
<td>

Nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
			Từ ..... đến .....

Tỉnh/Thành phố, ngày .../.../....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CƠ QUAN CẤP CHỨNG CHỈ *(Ký, họ và tên, đóng dấu)*

(trang 3)

</td>
</tr>
</table>

Ghi chú:

- Trường hợp cấp lại thì ghi rõ lần cấp (cấp lại lần 1, lần 2,...).
- Về ảnh đính kèm: tệp ảnh định dạng JPEG hoặc PNG độ phân giải tối thiểu 300 dpi.

2. Thủ tục cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng

2.1. Trình tự thực hiện:

- Cá nhân nộp trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng đến Bộ phận một cửa;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề có trách nhiệm thông báo một lần bằng văn bản (nêu rõ lý do) tới cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả đánh giá hồ sơ của Hội đồng, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề thông báo kết quả đánh giá hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề (thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc bằng văn bản điện tử hoặc phương thức phù hợp với hình thức nộp hồ sơ) trước ngày cuối cùng của tháng đối với hồ sơ đã được tiếp nhận đầy đủ, hợp lệ trước ngày 15 của tháng đó hoặc trước ngày 15 của tháng tiếp theo đối với các trường hợp còn lại.

- Trong thời hạn 11 ngày làm việc kể từ ngày có thông báo kết quả đánh giá hồ sơ đủ điều kiện của Hội đồng, cơ quan có thẩm quyền cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề cấp chứng chỉ hành nghề cho cá nhân đủ điều kiện, đồng thời nhập dữ liệu để khởi tạo mã định danh trên Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp:

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu (Địa chỉ: Tầng 1, Toà nhà số 2, Khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu; Điện thoại: 02133.796.888).

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

- Qua hệ thống bưu chính công ích.

- Trực tuyến toàn trình qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 212/2026/NĐ-CP là bản gốc trong trường hợp nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính; trường hợp nộp trực tuyến thì kê khai thông tin trên biểu mẫu điện tử tương tác trên Cổng dịch vụ công quốc gia;

- Tệp tin ảnh màu cỡ 4x6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề được chụp trong thời gian không quá 06 tháng;

- Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin bản sao điện tử được chứng thực theo quy định: Văn bằng, giấy phép năng lực hành nghề do cơ sở đào tạo nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp đã được hợp pháp hóa lãnh sự và bản dịch tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam;

- Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin bản sao điện tử được chứng thực theo quy định: Giấy tờ về cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam;

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 33 ngày làm việc kể từ ngày có thông báo kết quả đánh giá hồ sơ đủ điều kiện.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài đã có giấy phép năng lực hành nghề do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp hành nghề hoạt động xây dựng ở Việt Nam từ 06 tháng trở lên; cá nhân là người nước ngoài đã thực hiện thủ tục cấp mới chứng chỉ hành nghề nếu tiếp tục hoạt động xây dựng tại Việt Nam và đã được gia hạn giấy phép lao động hoặc thẻ tạm trú.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: *Sở Xây dựng*

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 212/2026/NĐ-CP. Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng được cấp, trả dưới dạng điện tử, gắn với mã định danh năng lực hoạt động xây dựng của cá nhân và có giá trị pháp lý như bản giấy. Trường hợp cá nhân yêu cầu thì cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ trả chứng chỉ bản giấy.

2.8. Lệ phí, chi phí: Theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 212/2026/NĐ-CP (bản gốc trong trường hợp nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính; trường hợp nộp trực tuyến thì kê khai thông tin trên biểu mẫu điện tử tương tác trên Cổng dịch vụ công quốc gia).

- Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 212/2026/NĐ-CP.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Điều kiện chung

- Có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; có giấy tờ về cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

- Có trình độ chuyên môn phù hợp theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 212/2026/NĐ-CP. Trình độ chuyên môn phù hợp được xác định trên cơ sở chuyên ngành đào tạo được ghi tại văn bằng; trường hợp văn bằng không ghi rõ chuyên ngành đào tạo thì việc xác định chuyên môn đào tạo phù hợp được căn cứ vào bảng điểm hoặc phụ lục văn bằng; chuyên môn đào tạo phù hợp được xác định khi có môn học hoặc đồ án môn học hoặc đồ án tốt nghiệp phù hợp với lĩnh vực, nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 212/2026/NĐ-CP.

- Có kinh nghiệm nghề nghiệp phù hợp với hạng và lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề trong vòng 10 năm gần nhất tính đến thời điểm đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. Trường hợp sử dụng kinh nghiệm nghề nghiệp phù hợp nhưng quá 10

năm thì được đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề thấp hơn 01 hạng tại cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề.

- Thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề như sau:

+ Hạng I: Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành hoặc chuyên môn đào tạo phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 07 năm trở lên;

+ Hạng II: Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành hoặc chuyên môn đào tạo phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 04 năm trở lên;

+ Hạng III: Có chuyên ngành hoặc chuyên môn đào tạo phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 02 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ đại học; từ 03 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ cao đẳng.

- Thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp được tính từ thời điểm cá nhân tham gia hoạt động xây dựng thể hiện tại đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoặc hợp đồng lao động hoặc xác nhận của bên sử dụng lao động hoặc bảo hiểm xã hội hoặc các giấy tờ tương tự. Trường hợp các thông tin này đã có trên Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng và đủ điều kiện khai thác, sử dụng theo quy định thì được sử dụng thay thế các giấy tờ tương ứng.

b) Điều kiện cụ thể đối với từng lĩnh vực, hạng chứng chỉ hành nghề liệt kê cụ thể như mục điều kiện chung.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

- Nghị định số 212/2026/NĐ-CP ngày 17/6/2026 của Chính phủ quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

- Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.

Mẫu số 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Họ và tên: ……..……

2. Ngày, tháng, năm sinh: …..……..……..

3. Quốc tịch: …….....**.....**

4. Hộ chiếu số:…… ……..……Ngày cấp: ……..…….....

Nơi cấp: ….....

5. Thời hạn trên giấy phép lao động:……**.....**

6. Số điện thoại: …… Địa chỉ hòm thư điện tử: ……...……

7. Đơn vị công tác: …….....

8. Trình độ chuyên môn (ghi rõ cơ sở đào tạo, chuyên ngành đào tạo): ……..

9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề (năm): ……...

10. Giấy phép năng lực hành nghề số: ….. Ngày cấp: ……

Nơi cấp: ……..Lĩnh vực hoạt động xây dựng ……

11. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng:

STT	**Thời gian công tác** (Từ tháng, năm đến tháng, năm)	**Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập** (Ghi rõ tên đơn vị)	**Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu**	**Ghi chú**
1			1. Tên Dự án/công trình/hạng mục công trình: …..... Nhóm dự án/Cấp công trình:…. Loại công trình: …… Địa điểm xây dựng công trình: Chủ đầu tư:…….. Chức danh/Nội dung công việc thực hiện: …….. 2. ….	

2				
…				

Đề nghị cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với các nội dung sau:

Lĩnh vực hoạt động: …….……Hạng: ……....….

□ Nhận chứng chỉ bản giấy (nếu cá nhân yêu cầu)

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ, nội dung kê khai trong đơn và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ hành nghề được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Mẫu số 03

MẪU CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

<table>
<tr>
<td>

(Màu vàng nhạt)

(trang 4)

</td>
<td>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

(trang 1)

</td>
</tr>
<tr>
<td>

THÔNG TIN CÁ NHÂN

Số chứng chỉ: ABC-12345678

(Ban hành theo Quyết định số ..... ngày .../.../....)

ảnh 4x6 của người được cấp chứng chỉ

Họ và Tên: .....

Ngày tháng năm sinh: .....

Số định danh cá nhân/Số căn cước/Số hộ chiếu: .....

Cơ quan cấp số định danh cá nhân/số căn cước/số hộ chiếu:.....

Quốc tịch: .....

Cơ sở đào tạo: .....

Trình độ chuyên môn: .....

(trang 2)

</td>
<td>

Nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
			Từ ..... đến .....

Tỉnh/Thành phố, ngày .../.../....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CƠ QUAN CẤP CHỨNG CHỈ *(Ký, họ và tên, đóng dấu)*

(trang 3)

</td>
</tr>
</table>

Ghi chú:

- Trường hợp cấp lại thì ghi rõ lần cấp (cấp lại lần 1, lần 2,...).
- Về ảnh đính kèm: tệp ảnh định dạng JPEG hoặc PNG độ phân giải tối thiểu 300 dpi.

3. Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng

3.1. Trình tự thực hiện:

- Cá nhân nộp trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng đến Bộ phận một cửa.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề có trách nhiệm thông báo một lần bằng văn bản tới cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề cấp lại chứng chỉ hành nghề cho cá nhân đủ điều kiện.

3.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp:

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu (Địa chỉ: Tầng 1, Toà nhà số 2, Khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu; Điện thoại: 02133.796.888).

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

- Qua hệ thống bưu chính công ích.

- Trực tuyến toàn trình qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 212/2026/NĐ-CP ngày 17/6/2026 là bản gốc trong trường hợp nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính; trường hợp nộp trực tuyến thì kê khai thông tin trên biểu mẫu điện tử tương tác trên Cổng dịch vụ công quốc gia;

- Tệp tin ảnh màu cỡ 4x6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề được chụp trong thời gian không quá 06 tháng;

- Bản gốc chứng chỉ hành nghề đề nghị cấp lại. Trường hợp bị mất chứng chỉ hành nghề hoặc cấp lại chứng chỉ hành nghề đối với các lĩnh vực không bị thu hồi trên chứng chỉ hành nghề đã được cấp trước đó thì phải có cam kết của người đề nghị cấp lại.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân là công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài hoạt động xây dựng hợp pháp tại Việt Nam thuộc các trường hợp chứng chỉ còn thời hạn nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc ghi sai thông tin hoặc điều chỉnh, bổ sung thông tin cá nhân hoặc cấp lại chứng chỉ hành nghề đối với các lĩnh vực không bị thu hồi; cá nhân bị thu hồi chứng chỉ hành nghề bị ghi sai thông tin do lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề.

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: *Sở Xây dựng*

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 212/2026/NĐ-CP. Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng được cấp, trả dưới dạng điện tử, gắn với mã định danh năng lực hoạt động xây dựng của cá nhân và có giá trị pháp lý như bản giấy. Trường hợp cá nhân yêu cầu thì cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ trả chứng chỉ bản giấy.

3.8. Lệ phí, chi phí: Theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 212/2026/NĐ-CP (bản gốc trong trường hợp nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính; trường hợp nộp trực tuyến thì kê khai thông tin trên biểu mẫu điện tử tương tác trên Cổng dịch vụ công quốc gia).

- Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 212/2026/NĐ-CP.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

- Nghị định số 212/2026/NĐ-CP ngày 17/6/2026 của Chính phủ quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

- Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Họ và tên: ……...……...

2. Ngày, tháng, năm sinh[1]: ……3. Quốc tịch: ……..…..….

4. Số định danh cá nhân/Số căn cước/Số hộ chiếu:……..…Ngày cấp:…… Nơi cấp……..……...

5. Địa chỉ thường trú: ……..……...

6. Số điện thoại[2]:……Địa chỉ hòm thư điện tử: ……...……

7. Đơn vị công tác: …….……...

8. Trình độ chuyên môn (ghi rõ cơ sở đào tạo, chuyên ngành đào tạo): ……..

9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề: …….. năm.

10. Chứng chỉ hành nghề số: ……..…… Ngày cấp: ……

Nơi cấp: ……..

Lĩnh vực hoạt động xây dựng …….…….

11. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng[3]:

STT	**Thời gian công tác** (Từ tháng, năm đến tháng, năm)	**Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập** (Ghi rõ tên đơn vị)	**Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu**	**Ghi chú**
1			1. Tên Dự án/công trình/hạng mục công trình: …..... Nhóm dự án/Cấp công trình:….. Loại công trình: …… Địa điểm xây dựng công trình: Chủ đầu tư:…….. Chức danh/Nội dung công việc thực hiện: …….. 2. ….	
2				
…				

Đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với nội dung như sau:

Lĩnh vực hành nghề: ……. …….

Hạng: …….

□ Cấp mới

□ Cấp lại

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ: …….....

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ, nội dung kê khai trong đơn và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ hành nghề được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

□ Nhận chứng chỉ bản giấy (nếu cá nhân yêu cầu)

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên

Ghi chú:

(1) Có thể thay thế các thông tin ngày, tháng, năm sinh, quốc tịch, số căn cước/căn cước công dân/hộ chiếu, địa chỉ thường trú bằng mã số định danh cá nhân.
(2) Số điện thoại, địa chỉ hòm thư điện tử phải là thông tin của cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.
(3) Không yêu cầu kê khai trong trường hợp cá nhân cấp lại chứng chỉ hành nghề.
* Việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả thực hiện theo quy định về thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính và điều kiện tổ chức thực hiện của cơ quan có thẩm quyền.

Mẫu số 03

MẪU CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

<table>
<tr>
<td>

(Màu vàng nhạt)

(trang 4)

</td>
<td>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

(trang 1)

</td>
</tr>
<tr>
<td>

THÔNG TIN CÁ NHÂN

Số chứng chỉ: ABC-12345678

(Ban hành theo Quyết định số ..... ngày .../.../....)

ảnh 4x6 của người được cấp chứng chỉ

Họ và Tên: .....

Ngày tháng năm sinh: .....

Số định danh cá nhân/Số căn cước/Số hộ chiếu: .....

Cơ quan cấp số định danh cá nhân/số căn cước/số hộ chiếu:.....

Quốc tịch: .....

Cơ sở đào tạo: .....

Trình độ chuyên môn: .....

(trang 2)

</td>
<td>

Nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
			Từ ..... đến .....

Tỉnh/Thành phố, ngày .../.../....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CƠ QUAN CẤP CHỨNG CHỈ *(Ký, họ và tên, đóng dấu)*

(trang 3)

</td>
</tr>
</table>

Ghi chú:

- Trường hợp cấp lại thì ghi rõ lần cấp (cấp lại lần 1, lần 2,...).
- Về ảnh đính kèm: tệp ảnh định dạng JPEG hoặc PNG độ phân giải tối thiểu 300 dpi.

4. Thủ tục cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài

4.1. Trình tự thực hiện

- Nhà thầu nước ngoài nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC (Bộ phận một cửa)

- Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài. Trường hợp không cấp Giấy phép hoạt động xây dựng, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép hoạt động xây dựng phải trả lời bằng văn bản cho nhà thầu và nêu rõ lý do.

4.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp:

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu (Địa chỉ: Tầng 1, Toà nhà số 2, Khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu; Điện thoại: 02133.796.888).

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

- Qua hệ thống bưu chính công ích.

- Trực tuyến toàn trình qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng bằng tiếng Việt theo Mẫu số 04 (đối với tổ chức), Mẫu số 07 (đối với cá nhân) Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 212/2026/NĐ-CP ngày 17/6/2026. Trường hợp nộp trực tuyến thì kê khai thông tin trên biểu mẫu điện tử tương tác trên Cổng dịch vụ công quốc gia;

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực dịch ra tiếng Việt và được công chứng theo quy định về kết quả đấu thầu hoặc quyết định chọn thầu hợp pháp;

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực theo quy định đối với giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với tổ chức dịch ra tiếng Việt và được công chứng, được hợp pháp hóa lãnh sự (trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam và các nước có liên quan là thành viên có quy định về miễn trừ hợp pháp hóa lãnh sự) và chứng chỉ hành nghề (nếu có) của nước nơi mà nhà thầu nước ngoài mang quốc tịch cấp;

- Biểu báo cáo kinh nghiệm hoạt động liên quan đến các công việc nhận thầu theo Mẫu số 05 Phụ lục III Nghị định số 212/2026/NĐ-CP.

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực theo quy định đối với báo cáo tổng hợp kiểm toán tài chính trong 03 năm gần nhất (đối với trường hợp không thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu); đối với nhà thầu thành lập dưới 03 năm thì nộp báo cáo tổng hợp kiểm toán tài chính theo số năm được thành lập;

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực theo quy định đối với Hợp đồng liên danh với nhà thầu Việt Nam hoặc hợp đồng chính thức hoặc

hợp đồng nguyên tắc với nhà thầu phụ Việt Nam để thực hiện công việc nhận thầu (đã có trong hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ chào thầu);

- Giấy ủy quyền hợp pháp đối với người không phải là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu theo Mẫu số 06 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 212/2026/NĐ-CP hoặc giấy ủy quyền hợp pháp có nội dung tương đương.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà thầu nước ngoài có quyết định trúng thầu hoặc được chọn thầu của chủ đầu tư hoặc nhà thầu chính (nhà thầu phụ).

4.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: *Sở Xây dựng*

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cấp Giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài theo Mẫu số 08, Quyết định cấp Giấy phép hoạt động xây dựng cho cá nhân theo Mẫu số 09 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 212/2026/NĐ-CP.

4.8. Lệ phí: Theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng theo Mẫu số 04 (đối với nhà thầu là tổ chức), Mẫu số 07 (đối với nhà thầu là cá nhân) Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 212/2026/NĐ-CP. Trường hợp nộp trực tuyến thì kê khai thông tin trên biểu mẫu điện tử tương tác trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Báo cáo các công việc/dự án đã thực hiện trong 3 năm gần nhất theo Mẫu số 05 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 212/2026/NĐ-CP.

- Giấy ủy quyền theo Mẫu số 06 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 212/2026/NĐ-CP.

- Quyết định cấp Giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài theo Mẫu số 08, Quyết định cấp Giấy phép hoạt động xây dựng cho cá nhân theo Mẫu số 09 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 212/2026/NĐ-CP.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Nhà thầu nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động xây dựng khi có quyết định trúng thầu hoặc được chọn thầu của chủ đầu tư hoặc nhà thầu chính (nhà thầu phụ).

- Nhà thầu nước ngoài phải liên danh với nhà thầu Việt Nam hoặc sử dụng nhà thầu phụ Việt Nam, trừ trường hợp nhà thầu trong nước không đủ năng lực tham gia vào bất kỳ công việc nào của gói thầu. Khi liên danh hoặc sử dụng nhà thầu Việt Nam phải phân định rõ nội dung, khối lượng và giá trị phần công việc do nhà thầu Việt Nam trong liên danh; nhà thầu phụ Việt Nam thực hiện.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

- Nghị định số 212/2026/NĐ-CP ngày 17/6/2026 của Chính phủ quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

- Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.

Mẫu số 04

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy phép hoạt động xây dựng

(Đối với nhà thầu là tổ chức)

Văn bản số: …

……, ngày…… tháng…… năm……

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

Tôi: ……(Họ tên) Chức vụ: …….....

Được ủy quyền của ông (bà): theo giấy ủy quyền: (kèm theo đơn này)

Đại diện cho: …….....

Địa chỉ đăng ký tại nước nơi nhà thầu thành lập: ……

Số điện thoại:..... Fax (nếu có): ……. Email: ……...

Địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có): …….....

Số điện thoại:……..Fax (nếu có): ……. Email: …….....

Công ty (hoặc Liên danh) chúng tôi đã được chủ đầu tư (hoặc nhà thầu chính, trường hợp là nhà thầu phụ làm đơn) là:……. thông báo trúng thầu (hoặc được lựa chọn) để làm nhà thầu chính (hoặc nhà thầu phụ) thực hiện công việc …… thuộc Dự án…… tại …… trong thời gian từ … đến ……

Chúng tôi đề nghị (Tên cơ quan có thẩm quyền) cấp Giấy phép hoạt động xây dựng cho Công ty chúng tôi để thực hiện công việc nêu trên.

Hồ sơ gửi kèm theo gồm:

(Các tài liệu được quy định tại Điều 44 Nghị định này)

Nếu hồ sơ của chúng tôi cần phải bổ sung hoặc làm rõ thêm nội dung gì, xin báo cho ông (bà)…… có địa chỉ tại Việt Nam…… số điện thoại ……. Fax…….. Email …….

Khi được cấp Giấy phép hoạt động xây dựng, chúng tôi xin cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định trong Giấy phép và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:...

THAY MẶT (HOẶC THỪA ỦY QUYỀN)…

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu Công ty)

Mẫu số 06

TỔ CHỨC …	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: …/…	*……., ngày ... tháng ... năm ……..*

GIẤY ỦY QUYỀN

Căn cứ Quyết định trúng thầu (hoặc được chọn thầu) số ... ngày ... tháng ... năm **....** giữa Chủ đầu tư (hoặc nhà thầu chính) với Công ty ……:

Tôi tên là: ……

Chức vụ: ……

Ủy quyền cho ông/bà ……

Chức vụ: ……

Số hộ chiếu:……. Quốc tịch nước: ……

Ông/Bà …… được ký các giấy tờ, nộp hồ sơ, bổ sung, giải trình và nhận kết quả giải quyết thủ tục đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng công việc ……

Nơi nhận:
- Chủ đầu tư;
- Tên cơ quan có thẩm quyền;
- Lưu: VT, đơn vị…

THAY MẶT (HOẶC THỪA ỦY QUYỀN)…
(*Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu Công ty)*

Mẫu số 07

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp giấy phép hoạt động xây dựng

(Đối với nhà thầu là cá nhân)

Văn bản số: …

..., ngày ... tháng ... năm...

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

Tôi:……..... (Họ tên).

Có hộ chiếu số: …….(sao kèm theo đơn này)

Địa chỉ tại nước mà cá nhân mang quốc tịch:…….

Số điện thoại:…… Fax (nếu có): …….. Email: ……..

Địa chỉ tại Việt Nam (nếu có):…….....

Số điện thoại:..... Fax (nếu có): ……. Email: ….....

Tôi được chủ đầu tư (hoặc nhà thầu chính) thông báo trúng thầu (hoặc được lựa chọn) thực hiện tư vấn công việc ..... thuộc Dự án…..... tại ….....…… trong thời gian từ …….....…..

Đề nghị (Tên cơ quan có thẩm quyền)…… cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tôi để thực hiện công việc nêu trên.

Hồ sơ kèm theo gồm:

(Các tài liệu quy định tại Điều 44 Nghị định này)

Nếu hồ sơ của tôi cần được bổ sung hoặc làm rõ thêm nội dung gì, xin báo cho ông (bà)…… có địa chỉ tại Việt Nam……...…… số điện thoại…… Fax ……..… Email ……

Khi được cấp giấy phép hoạt động xây dựng, tôi xin cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định trong giấy phép và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: ...

Kính đơn
(Ký tên)

Họ và tên người ký

Mẫu số 08

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ……/QĐ-….	*……., ngày ... tháng ... năm …….*

QUYẾT ĐỊNH

Cấp Giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài

(Người đứng đầu của cơ quan có thẩm quyền)

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số ..../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng;

Theo đơn và hồ sơ của Công ty (hoặc Liên danh) ……., là pháp nhân thuộc nước ……., về việc nhận thầu thuộc Dự án ……. tại …… và theo thông báo trúng thầu (hoặc chọn thầu) của chủ đầu tư (hoặc thầu chính) là……. tại văn bản ……

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty (hoặc Liên danh) ……. (sau đây gọi là Nhà thầu), pháp nhân thuộc nước ……., có địa chỉ đăng ký tại ……, được thực hiện công việc ..... thuộc Dự án…… tại ……..

Điều 2.

1. Nhà thầu thực hiện công việc …….. theo Quyết định trúng thầu (hoặc chọn thầu) với chủ đầu tư (hoặc thầu chính); liên danh với nhà thầu Việt Nam (hoặc/và sử dụng thầu phụ Việt Nam) như đã được xác định trong hồ sơ dự thầu (hoặc chào thầu) thông qua hợp đồng liên danh hoặc hợp đồng thầu phụ như đã xác định trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng.

2. Nhà thầu thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 48 Nghị định số……/2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ.

3. Nhà thầu phải lập thông báo gửi về (Tên cơ quan có thẩm quyền) theo quy định tại điểm l khoản 2 Điều 48 Nghị định số……/2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ.

Điều 3.

1. Giấy phép này đồng thời có giá trị để Nhà thầu liên hệ với các cơ quan Nhà nước Việt Nam có liên quan thực hiện nội dung các điều khoản nêu trên theo quy định của pháp luật.

2. Giấy phép này chỉ có giá trị thực hiện công việc nêu tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 4. Giấy phép này được cấp cho Nhà thầu, đồng thời gửi Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc thành phố... (nơi có dự án) và chủ đầu tư.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
…….
- Lưu: VT, Cơ quan có thẩm quyền…

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 09

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ……../QĐ-….	*……., ngày ... tháng ... năm ……..*

QUYẾT ĐỊNH
Cấp Giấy phép hoạt động xây dựng cho cá nhân
(Người đứng đầu của cơ quan có thẩm quyền)

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số ..../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng;

Theo đơn và hồ sơ của ông/bà ……., quốc tịch nước ……. về việc nhận thầu thuộc Dự án ……. tại …….. và theo thông báo trúng thầu (hoặc được chọn thầu) của chủ đầu tư (hoặc thầu chính) là…….. tại văn bản ……..

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép ông/bà ……., quốc tịch nước …….., có hộ chiếu số …….. cấp ngày **.....** tại …….. do cơ quan nước …….. cấp, được thực hiện công việc **.....** thuộc Dự án…….. tại ……..

Điều 2.

1. Ông/bà **....** thực hiện công việc …... theo Quyết định trúng thầu (hoặc chọn thầu) với chủ đầu tư (hoặc thầu chính).

2. Ông/bà thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 48 Nghị định số ……/2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ.

3. Ông/bà phải lập thông báo gửi về (Tên cơ quan có thẩm quyền) theo quy định tại điểm l khoản 2 Điều 48 Nghị định số ……/2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ.

Điều 3.

1. Giấy phép này đồng thời có giá trị để ông/bà liên hệ với các cơ quan nhà nước Việt Nam có liên quan thực hiện nội dung các điều khoản nêu trên theo quy định của pháp luật.

2. Giấy phép này chỉ có giá trị thực hiện công việc nêu tại Điều 1 Quyết định này.
Điều 4. Giấy phép này được cấp cho ông/bà…… đồng thời gửi Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc thành phố... (nơi có dự án) và chủ đầu tư.

Nơi nhận:	**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN**
- Như Điều 4;	*(Ký tên, đóng dấu)*
……..	
- Lưu: VT, Tên cơ quan có thẩm quyền.	

5. Thủ tục cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài

5.1. Trình tự thực hiện

- Nhà thầu nước ngoài nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép hoạt động xây dựng cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC (Bộ phận một cửa)

- Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp điều chỉnh Giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài. Trường hợp không cấp điều chỉnh Giấy phép hoạt động xây dựng, cơ quan có thẩm quyền cấp điều chỉnh Giấy phép hoạt động xây dựng phải trả lời bằng văn bản cho nhà thầu và nêu rõ lý do.

5.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp:

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu (Địa chỉ: Tầng 1, Toà nhà số 2, Khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu; Điện thoại: 02133.796.888).

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

- Qua hệ thống bưu chính công ích.

- Trực tuyến toàn trình qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng được quy định theo Mẫu số 11 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 212/2026/NĐ-CP. Trường hợp nộp trực tuyến thì kê khai thông tin trên biểu mẫu điện tử tương tác trên Cổng dịch vụ công quốc gia;

- Các tài liệu chứng minh cho những nội dung đề nghị điều chỉnh là bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực theo quy định. Các tài liệu phải được dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam; trường hợp pháp luật có yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự thì thực hiện theo quy định.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà thầu nước ngoài đã được cấp Giấy phép hoạt động xây dựng và có thay đổi về tên, địa chỉ của nhà thầu; thay đổi thành viên trong liên danh nhà thầu; thay đổi nhà thầu phụ; hoặc thay đổi nội dung khác đã ghi trong Giấy phép hoạt động xây dựng.

5.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: *Sở Xây dựng*

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chỉnh Giấy phép hoạt động xây dựng được quy định theo Mẫu số 10 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 212/2026/NĐ-CP.

5.8. Lệ phí: Theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

- Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng được quy định theo Mẫu số 11 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 212/2026/NĐ-CP. Trường hợp nộp trực tuyến thì kê khai thông tin trên biểu mẫu điện tử tương tác trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Giấy ủy quyền theo Mẫu số 06 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 212/2026/NĐ-CP.

- Quyết định điều chỉnh Giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài theo Mẫu số 10 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 212/2026/NĐ-CP.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

- Nghị định số 212/2026/NĐ-CP ngày 17/6/2026 của Chính phủ quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

- Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.

Mẫu số 10

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……/QĐ-….ĐC	**----------**
	……, ngày ... tháng ... năm ……

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh Giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài

(Người đứng đầu của cơ quan có thẩm quyền)

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số ..../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng;

Căn cứ Giấy phép hoạt động xây dựng số ...../QĐ-..... ngày ... tháng ... năm.... của (tên cơ quan có thẩm quyền) .... cấp cho Công ty (hoặc Liên danh)/ông, bà ……;

Căn cứ đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng ngày ... tháng ... năm....của Công ty (hoặc Liên danh)/ông, bà ……

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh…….. trong Giấy phép hoạt động xây dựng số ...../QĐ-**.....** do (Tên cơ quan có thẩm quyền) cấp ngày ... tháng ... năm.... Các nội dung khác của Giấy phép hoạt động xây dựng số ...../QĐ-..... ngày ... tháng ... năm.... không thay đổi.

Điều 2. Văn bản này là một phần không tách rời của Giấy phép hoạt động xây dựng số ...../QĐ-..... ngày ... tháng ... năm …

Điều 3. Văn bản này được lập và sao gửi như quy định tại Điều 4 Giấy phép hoạt động xây dựng số ...../QĐ-..... ngày ... tháng ... năm ….

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, tên cơ quan có thẩm quyền.

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 11

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng

Văn bản số:……

..., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

Tôi: …….....…(Họ tên) Chức vụ: ……..

Được ủy quyền của ông (bà):…… theo giấy ủy quyền:....(kèm theo đơn này) (trường hợp nhà thầu là tổ chức), đại diện cho: ……

Địa chỉ đăng ký tại nước nơi nhà thầu thành lập (trường hợp nhà thầu là tổ chức)/Địa chỉ đăng ký tại nước mà cá nhân mang quốc tịch (trường hợp nhà thầu là cá nhân): ……

Số điện thoại:…….. Fax (nếu có): …….. Email: …….

Địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam: …….

Số điện thoại: …….. Fax (nếu có): ……... Email: .....

Công ty (hoặc Liên danh) chúng tôi/Tôi đã được (Tên cơ quan có thẩm quyền) cấp giấy phép hoạt động xây dựng số……., ngày …… để thực hiện công việc thuộc dự án ……. Đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng đã cấp với nội dung: ……

Lý do đề nghị điều chỉnh: …… …….

Chúng tôi/ Tôi đề nghị (Tên cơ quan có thẩm quyền) điều chỉnh Giấy phép hoạt động xây dựng đã cấp cho Công ty chúng tôi/Tôi với nội dung nêu trên.

Hồ sơ gửi kèm theo gồm:

1. Bản sao Giấy phép hoạt động xây dựng đã được cấp

2. Bản sao các văn bản chứng minh cho nội dung điều chỉnh: .....

3. Văn bản chấp thuận của chủ đầu tư (nhà thầu chính trường hợp nhà thầu đề nghị điều chỉnh là nhà thầu phụ)

Nếu hồ sơ của chúng tôi/tôi cần phải bổ sung hoặc làm rõ thêm nội dung gì, xin báo cho ông (bà) có địa chỉ tại Việt Nam…….. số điện thoại……. Fax (nếu có)…… Email ……

Khi được cấp Giấy phép hoạt động xây dựng điều chỉnh, chúng tôi/tôi xin cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định trong Giấy phép và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:...

THAY MẶT (HOẶC THỪA ỦY QUYỀN)…
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu Công ty (đối với nhà thầu là tổ chức)

6. Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ

6.1. Trình tự thực hiện:

Người vận tải hàng hóa nguy hiểm nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ là hóa chất bảo vệ thực vật đến Sở Xây dựng Lai Châu.

6.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp:

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu (Địa chỉ: Tầng 1, Toà nhà số 2, Khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu; Điện thoại: 02133.796.888).

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

- Qua hệ thống bưu chính công ích.

- Trực tuyến toàn trình qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm là hóa chất bảo vệ thực vật bao gồm:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm theo mẫu;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản chính Bảng kê danh sách phương tiện tham gia vận chuyển đảm bảo còn thời hạn kiểm định theo quy định;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản chính Bảng kê danh sách lái xe vận chuyển hàng hóa nguy hiểm (gồm: Họ và tên; số định danh cá nhân; số giấy phép, hạng giấy phép lái xe) và danh sách người áp tải đối với trường hợp bắt buộc phải có người áp tải (gồm: Họ và tên, số định danh cá nhân);

- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản chính một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng cung ứng; Hóa đơn tài chính về xuất, nhập hàng hóa thuốc bảo vệ thực vật;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản chính phương án tổ chức vận chuyển, hàng hóa nguy hiểm của đơn vị vận chuyển theo mẫu (trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung: Biển kiểm soát xe; họ và tên người lái xe; loại hàng; khối lượng; tuyến đường, thời gian vận chuyển; biện pháp ứng cứu sự cố hóa chất trong vận chuyển hàng hóa nguy hiểm);

- Bản sao hoặc bản sao điện tử Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn an toàn hàng hóa nguy hiểm của người lái xe hoặc người áp tải.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết: 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

6.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6.6. Cơ quan thực hiện TTHC: *Sở Xây dựng*

6.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm.

6.8. Phí, lệ phí: Không có.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm

- Phương án tổ chức vận chuyển hàng hóa nguy hiểm.

- Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm.

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Đáp ứng các quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 11 của Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ.

6.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ.

- Nghị định 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

- Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

- Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.

Mẫu giấy đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm (…)

Tên tổ chức, cá nhân:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....	*....., ngày...tháng...năm ....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP VẬN CHUYỂN HÀNG NGUY HIỂM

Kính gửi: Sở Xây dưng Lai Châu

1. Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm:.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại.....Fax..... Email: ……

2. Họ và tên, chức danh người đại diện theo pháp luật:…….

3. Giấy đăng ký doanh nghiệp số …. ngày….tháng....năm....., tại……..... hoặc Số Định danh cá nhân: …….

4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:…….do.…(tên cơ quan cấp)...(áp dụng đối với đơn vị kinh doanh vận tải).

5. Thông tin về phương tiện gồm: biển số đăng ký, thời hạn kiểm định, trọng tải được phép chở (áp dụng trong trường hợp vận chuyển theo chuyến).

6. Thông tin về người lái xe gồm: Họ và tên, Số định danh cá nhân: …, hạng giấy phép lái xe; đã được cấp Giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình huấn luyện an toàn hàng hoá nguy hiểm.

7. Thông tin về người áp tải (nếu có) gồm: Họ và tên, Số định danh cá nhân, đã được cấp Giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình huấn luyện an toàn hàng hoá nguy hiểm.

Đề nghị Quý Cơ quan xem xét và cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất nguy hiểm sau:

TT	Tên gọi và mô tả	Số hiệu UN	Loại, nhóm hàng	Số hiệu nguy hiểm	Khối lượng vận chuyển (dự kiến)
1					
2					
…					

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm bao gồm:

1.

2.……

.... (tên tổ chức, cá nhân) ..... cam kết bảo đảm an toàn khi tham gia giao thông và

thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về vận chuyển hàng nguy hiểm.

.....…, ngày……tháng……năm…….
Đại diện tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:
- Đề nghị cấp loại hình nào thì ghi loại đó(cấp mới/cấp bổ sung phương tiện giao thông đường bộ).
- Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan cấp phép.

Mẫu Phương án tổ chức vận chuyển hàng hóa nguy hiểm

Tên tổ chức, cá nhân:	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-------	**----------**
Số: ..... /.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA NGUY HIỂM

Kính gửi:.....

1. Tên tổ chức/cá nhân vận chuyển hàng nguy hiểm:.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại ……..... Fax..... Email: …….

2. Thông tin về phương tiện (hoặc danh sách kèm theo) gồm: biển số đăng ký, thời hạn kiểm định, trọng tải được phép chở…….

3. Họ và tên người điều khiển phương tiện (hoặc danh sách kèm theo):…….

4. Loại hàng hóa nguy hiểm, khối lượng vận chuyển (liệt kê chi tiết từng loại, nhóm hàng hoá nguy hiểm).....

5. Tuyến đường vận chuyển….. (áp dụng đối với trường hợp vận chuyển theo chuyến)

6. Thời gian vận chuyển:……..

7. Thông tin về phương tiện gồm: biển số đăng ký, thời hạn kiểm định, trọng tải được phép chở…….

8. Biện pháp ứng cứu khẩn cấp khi có sự cố cháy, nổ ……

Đề nghị Quý Cơ quan xem xét!

……, ngày……tháng……năm……..

Đại diện tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm
(Áp dụng trong trường hợp cấp theo chuyến)

…..(1)…..	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
…..(2)…..	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-------	**----------**

GIẤY PHÉP

VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA NGUY HIỂM Số:……

Theo đề nghị của:……(4)……,

…….(2)……cho phép:

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân:.....(4) .....

Số định danh cá nhân/Giấy CNĐKKD:……

Địa chỉ: ……..Điện thoại……..

Họ và tên, chức danh người đại diện theo pháp luật:……

Được phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm…….(3)...., …….(4)…….phải có trách nhiệm duy trì các điều kiện an toàn về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm của phương tiện và chấp hành đầy đủ các quy định về hàng hóa nguy hiểm trong suốt quá trình vận chuyển.

Hành trình, lịch trình vận chuyển:……

Thông tin về phương tiện: …….

Thông tin về người lái xe: ……..

Thông tin về người áp tải (áp dụng đối với trường hợp vận chuyển hàng hóa nguy hiểm quy định phải có người áp tải):……

Thời hạn của giấy phép:……..

Nơi nhận:
- ……..
- Lưu:…….

……., ngày…..tháng……năm ....
…(5)….
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:
(1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp.
(2) Tên cơ quan cấp giấy phép.
(3) Tên loại, nhóm hàng hóa nguy hiểm.
(4) Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép.
(5) Chức vụ của người ký.

Mẫu Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm theo chuyến
(Áp dụng cho nhiều chuyến)

…….(1)…….	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
…….(2)…….	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-------	**----------**

GIẤY PHÉP
VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA NGUY HIỂM

Theo đề nghị của:……..(4)……...,

……(2)…….cho phép:

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân:.....(4) .....

Số định danh cá nhân/Giấy CNĐKKD:…….

Địa chỉ:……..Điện thoại…….

Họ và tên, chức danh người đại diện theo pháp luật:…….

Được phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm:…… (3)....,

.....……(4)……..phải có trách nhiệm duy trì các điều kiện an toàn về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm của phương tiện và chấp hành đầy đủ các quy định về hàng hóa nguy hiểm trong suốt quá trình vận chuyển.

Thời hạn của giấy phép:…….

Nơi nhận:
- ……..
- Lưu:…….

……., ngày…..tháng……năm ....
…(5)….
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:
(1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp.
(2) Tên cơ quan cấp giấy phép.
(3) Tên loại, nhóm hàng hóa nguy hiểm.
(4) Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép.
(5) Chức vụ của người ký.

7. Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép

7.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Người vận tải hàng hóa nguy hiểm nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ là hóa chất bảo vệ thực vật đến Sở Xây dựng Lai Châu.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: cơ quan giải quyết thủ tục hành chính kiểm tra thành phần hồ sơ; trường hợp thành phần hồ sơ chưa đầy đủ hoặc có sai lệch thì hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính xem xét tính đầy đủ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thông báo bằng văn bản hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân biết để bổ sung, đồng thời hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, cơ quan cấp Giấy phép thẩm định hồ sơ và cấp Giấy phép đã được điều chỉnh thông tin theo đề nghị của người vận tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm; trường hợp không đồng ý, cơ quan cấp Giấy phép phải trả lời bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

7.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp:

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu (Địa chỉ: Tầng 1, Toà nhà số 2, Khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu; Điện thoại: 02133.796.888).

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

- Qua hệ thống bưu chính công ích.

- Trực tuyến toàn trình qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đề nghị điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm theo mẫu;

- Hồ sơ chứng minh sự thay đổi về thông tin liên quan đến giấy phép;

- Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm đã được cấp cần điều chỉnh thông tin.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

7.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

7.6. Cơ quan thực hiện TTHC: *Sở Xây dựng*

7.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm.

7.8. Phí, lệ phí: Không có.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm.

- Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm.

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Đáp ứng các quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 11 của Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ.

7.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ.

- Nghị định 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

- Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

- *Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng*.

Mẫu Giấy đề nghị điều chỉnh thông tin trên giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm (....)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: …/…	*..., ngày .... tháng .... năm .....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN TRÊN GIẤY PHÉP VẬN CHUYỂN HÀNG NGUY HIỂM

Kính gửi:…….

1. Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm: ……

Địa chỉ:……

Điện thoại.....Fax.....Email:……

2. Giấy đăng ký doanh nghiệp số....ngày.. ..tháng....năm……., tại…… hoặc Số định danh cá nhân (áp dụng trường hợp là cá nhân).

3. Số giấy phép vận chuyển hàng hoá nguy hiểm……., ngày cấp….., ngày hết hạn……

4. Thông tin đề nghị điều chỉnh:

- Thông tin trên giấy phép vận chuyển đã cấp: …….

- Thông tin đề nghị điều chỉnh: ……

…(Tên tổ chức, cá nhân)…….. cam kết bảo đảm an toàn khi tham gia giao thông và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về vận chuyển hàng nguy hiểm.

..., ngày….tháng…..năm…..
Đại diện tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: *Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan cấp phép.*

Mẫu Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm
(Áp dụng trong trường hợp cấp theo chuyến)

…..(1)…..	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
…..(2)…..	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-------	**----------**

GIẤY PHÉP

VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA NGUY HIỂM

Số:……

Theo đề nghị của:……(4)……,

…….(2)…….cho phép:

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân:.....(4) .....

Số định danh cá nhân/Giấy CNĐKKD:……

Địa chỉ: ……..Điện thoại……..

Họ và tên, chức danh người đại diện theo pháp luật:……

Được phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm…….(3)...., …….(4)…….phải có trách nhiệm duy trì các điều kiện an toàn về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm của phương tiện và chấp hành đầy đủ các quy định về hàng hóa nguy hiểm trong suốt quá trình vận chuyển.

Hành trình, lịch trình vận chuyển:……

Thông tin về phương tiện: …….

Thông tin về người lái xe: ……..

Thông tin về người áp tải (áp dụng đối với trường hợp vận chuyển hàng hóa nguy hiểm quy định phải có người áp tải):……

Thời hạn của giấy phép:……..

Nơi nhận:
- ……..
- Lưu:…….

……, ngày…..tháng……năm ....
…(5)….
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp.

(2) Tên cơ quan cấp giấy phép.

(3) Tên loại, nhóm hàng hóa nguy hiểm.

(4) Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép.

(5) Chức vụ của người ký.

Mẫu Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm theo chuyến
(Áp dụng cho nhiều chuyến)

…….(1)…….	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
…….(2)…….	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-------	**----------**

GIẤY PHÉP
VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA NGUY HIỂM

Theo đề nghị của:……..(4)……..,

……(2)…….cho phép:

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân:.....(4) .....

Số định danh cá nhân/Giấy CNĐKKD:…….

Địa chỉ:……..Điện thoại…….

Họ và tên, chức danh người đại diện theo pháp luật:…….

Được phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm:…… (3)....,

.....……(4)……..phải có trách nhiệm duy trì các điều kiện an toàn về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm của phương tiện và chấp hành đầy đủ các quy định về hàng hóa nguy hiểm trong suốt quá trình vận chuyển.

Thời hạn của giấy phép:…….

……., ngày…..tháng……năm ....
…(5)….
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:
- ……..
- Lưu:…….

Ghi chú:
(1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp.
(2) Tên cơ quan cấp giấy phép.
(3) Tên loại, nhóm hàng hóa nguy hiểm.
(4) Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép.
(5) Chức vụ của người ký.

8. Chấp thuận đấu nối đối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch

8.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Cơ quan, tổ chức đề nghị đấu nối vào đường bộ nộp hồ sơ đề nghị đến Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc trên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

b) Giải quyết TTHC:

Sở Xây dựng thực hiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ và viết phiếu hẹn trả kết quả; hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp không đủ thành phần hồ sơ;

Đối với trường hợp nộp gián tiếp, trong phạm vi 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đủ thành phần hồ sơ có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện;

Trường hợp phải lấy ý kiến của các cơ quan thì sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ thành phần hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính tiến hành lấy ý kiến. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan có thẩm quyền.

- Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định hoặc 07 ngày sau khi nhận được ý kiến của các cơ quan (đối với trường hợp phải lấy ý kiến), cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính tiến hành kiểm tra nếu đủ điều kiện thì có văn bản chấp thuận nút giao đấu nối vào đường bộ. Trường hợp không chấp thuận thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân bằng các hình thức: Bản điện tử hợp lệ trên VNeID hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia. Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu nhận bản giấy thì nhận trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc được gửi qua dịch vụ bưu chính.

8.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp:

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu (Địa chỉ: Tầng 1, Toà nhà số 2, Khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu; Điện thoại: 02133.796.888).

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

- Qua hệ thống bưu chính công ích.

- Trực tuyến toàn trình qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị đấu nối vào đường bộ (bản chính) theo Mẫu số 01 Phụ lục VI Nghị định 241/2026/NĐ-CP;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử: chủ trương đầu tư nút giao đấu nối đường khác vào đường được đề nghị đấu nối, thiết kế nút giao đấu nối vào đường bộ (nếu có);

- Hồ sơ đầy đủ các nội dung để các cơ quan có ý kiến theo quy định tại Khoản 5, Điều 29 Nghị định 165/2024/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung Nghị định 241/2026/NĐ-CP).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp không phải lấy ý kiến: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

- Trường hợp phải lấy ý kiến:

+ Thời hạn tiến hành lấy ý kiến: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ thành phần hồ sơ;

+ Thời hạn cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến trả lời: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan có thẩm quyền.

+ Thời hạn có văn bản chấp thuận: 07 ngày sau khi nhận được ý kiến của các cơ quan.

8.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

8.6. Cơ quan thực hiện TTHC: *Sở Xây dựng*

8.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản chấp thuận vị trí nút giao đấu nối.

8.8. Phí, lệ phí: Không có.

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Văn bản đề nghị chấp thuận vị trí đấu nối;

- Văn bản chấp thuận vị trí nút giao đấu nối.

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 29 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ (được sửa đổi bổ sung tại Nghị định 241/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026).

8.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

- Căn cứ Nghị định số 241/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

- Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.

Mẫu văn bản đề nghị chấp thuận vị trí đấu nối

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: …./….(2)	*... (4), ngày .... tháng .... năm ...*
V/v đề nghị chấp thuận đấu nối ….(3)	

Kính gửi: …… (5)

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự có hiệu lực thi hành thì ghi căn cứ vào Luật này (6);

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

.... (1) đề nghị …. (5) chấp thuận nút giao đấu nối …. (3) để thực hiện ....(7). Tài liệu kèm theo văn bản này là 01 bộ hồ sơ gồm….. (8)

Địa chỉ liên hệ: ……

Số điện thoại: ……; Email……..

Mã số định danh VNeID của cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp: ….

Đề nghị nhận kết quả theo hình thức:

- Nhận kết quả trực tiếp: □
- Nhận kết quả trực tuyến: □
- Nhận kết quả qua hệ thống bưu chính: □

(Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lựa chọn và đánh dấu phương thức nhận kết quả. Trường hợp đề nghị nhận qua đường bưu chính thì bổ sung địa chỉ nhận vào văn bản đề nghị).

Nơi nhận:	**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ**
- ……;	*(Chữ ký, dấu)*
- ……;	
- Lưu: VT, …(9)… (10).	**Họ và tên**

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức có văn bản đề nghị đấu nối.

(2) Ghi số, ký hiệu văn bản đề nghị đấu nối.

(3) Ghi tên đường nhánh, cơ sở cần đấu nối vào đường bộ đang khai thác sau đó ghi vị trí, lý trình điểm đấu nối, tên, số hiệu đường bộ và địa bàn có vị trí đề nghị đấu nối. Ví dụ "V/v đề nghị chấp thuận đấu nối đường vành đai 3 thành phố A vào Km 80 +200 đường cao tốc C, thuộc địa bàn xã D thuộc thành phố").

(4) Địa danh nơi cơ quan, tổ chức đề nghị đóng trụ sở.

(5) Ghi tên cơ quan có thẩm quyền chấp thuận vị trí đấu nối.

(6) Kể từ ngày 01/7/2026 khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự có hiệu lực thi hành thì ghi căn cứ vào Luật này.

(7) Nêu rõ mục đích đấu nối.

(8) Hồ sơ bao gồm các thành phần theo quy định của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số /2026/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đường bộ.

(9) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức soạn văn bản.

(10) Số lượng bản phát hành (nếu cần).

Mẫu văn bản chấp thuận nút giao đấu nối

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (1) -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: …./….(2) V/v đề nghị chấp thuận đấu nối ….(3)	*... (4), ngày .... tháng .... năm ...*

Kính gửi: ……(5).

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;
Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự có hiệu lực thi hành thì ghi căn cứ vào Luật này (6);
Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;
Căn cứ Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Sau khi xem xét … (7) của ... (5) về đề nghị chấp thuận nút giao đấu nối…. (3), kèm theo hồ sơ đề nghị đấu nối, … (1) chấp thuận và yêu cầu các nội dung sau:

1. Chấp thuận …. (8) nút giao đấu nối …. (3) … để …. (9).

2. Các yêu cầu khi thực hiện đấu nối, gồm:

a) Chấp hành đúng văn bản chấp thuận đấu nối này;

b) Tuân thủ các quy định của pháp luật về đường bộ, pháp luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ, pháp luật xây dựng và pháp luật khác có liên quan trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế công trình đấu nối, thi công xây dựng và khai thác, sử dụng nút giao đấu nối;

c) Đóng nút giao đấu nối đối với các trường hợp…..

d) Yêu cầu về bảo đảm an toàn giao thông…., an toàn thi công xây dựng và các yêu cầu khác (nếu cần).

Nơi nhận: - ……; - ……; - Lưu: VT, …(10)… (11).	**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ** *(Chữ ký, dấu)* **Họ và tên**

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chấp thuận.

(2) Ghi số, ký hiệu văn bản của cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

(3) Ghi tên đường nhánh, cơ sở cần đấu nối vào đường bộ đang khai thác sau đó ghi vị trí, lý trình điểm đấu nối, tên, số hiệu đường bộ và địa bàn có vị trí đề nghị đấu nối. Ví dụ "V/v chấp thuận đấu nối đường vành đai 3 thành phố A vào Km 80 +200 tuyến đường cao tốc C thuộc địa bàn xã D thuộc thành phố").

(4) Địa danh nơi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chấp thuận đóng trụ sở.

(5) Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị được đấu nối.

(6) Kể từ ngày 01/7/2026 khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến an ninh, trật tự có hiệu lực thi hành thì ghi căn cứ vào Luật này.

(7) Ghi tên, số văn bản đề nghị, ngày, tháng, năm phát hành văn bản.

(8) Ghi là "bổ sung " đối với trường hợp đấu nối mới; ghi "điều chỉnh" nếu điều chỉnh lại vị trí, điều chỉnh số nhánh và các điều chỉnh khác của nút giao đã có.

(9) Nêu mục đích đấu nối.

(10) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức soạn thảo văn bản chấp thuận.

(11) Số lượng bản phát hành (nếu cần).

9. Công bố mở luồng đường thuỷ nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, luồng đường thủy chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương

9.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Luồng đường thủy nội địa trước khi đưa vào khai thác phải được cơ quan có thẩm quyền công bố mở.

- Luồng đường thủy nội địa đã có trong quy hoạch được phê duyệt chỉ cần khảo sát luồng, thiết lập báo hiệu để khai thác: Sau khi hoàn thành khảo sát, thiết lập báo hiệu phải thực hiện thủ tục công bố mở luồng đường thủy nội địa.

b) Giải quyết TTHC: Luồng đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương: Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ và ban hành quyết định công bố.

9. 2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp:

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu (Địa chỉ: Tầng 1, Toà nhà số 2, Khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu; Điện thoại: 02133.796.888).

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

- Qua hệ thống bưu chính công ích.

- Trực tuyến toàn trình qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn.

- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử. Trường hợp cá nhân, tổ chức có yêu cầu nhận bản giấy thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm trả đồng thời cả bản điện tử và bản giấy. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử có giá trị pháp lý như kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng văn bản giấy.

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị.

- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng đưa vào sử dụng; bản vẽ hoàn công công trình, hệ thống báo hiệu luồng đường thủy nội địa đối với luồng đường thủy nội địa có dự án đầu tư xây dựng mới hoặc luồng đường thủy nội địa được cải tạo, nâng cấp.

- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính bình đồ hiện trạng luồng đường thủy nội địa đề nghị công bố thể hiện địa danh, lý trình, vị trí báo hiệu, các công trình hiện có đối với luồng đường thủy nội địa không đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp.

(Thành phần hồ sơ có quy định về các thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu quốc

gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì các thông tin này được thay thế bằng dữ liệu khi cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành được vận hành).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

9.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

9.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

9.6. Cơ quan thực hiện TTHC: *Sở Xây dựng*

9.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Quyết định công bố mở luồng đường thuỷ nội địa.

9.8. Phí, lệ phí: Không có.

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Văn bản đề nghị Công bố mở/đóng luồng đường thủy nội địa.

- Quyết định công bố mở/đóng luồng đường thủy nội địa.

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

9.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 48/2014/QH13 ngày 17/06/2014;

- Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

- Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.

Mẫu Văn bản đề nghị Công bố mở/đóng luồng đường thủy nội địa:

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: …/…	*..., ngày ... tháng ... năm ...*

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

Công bố mở/đóng luồng đường thủy nội địa …….. (1)……

Kính gửi: ……..(2)……..

Căn cứ ……...;

Tên tổ chức, cá nhân: (nếu là cá nhân ghi rõ họ và tên, số căn cước) Người đại diện theo pháp luật (ghi rõ họ và tên, số căn cước):

Địa chỉ trụ sở: ……. số điện thoại liên hệ: ……

Đề nghị …(2)… xem xét công bố mở/đóng luồng đường thủy nội địa... (1).., với nội dung sau:

1. Điểm đầu thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu)……., tỉnh (thành phố).....

Tọa độ: …..(3) ……

Điểm kết thúc thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu)……., tỉnh (thành phố).....

Tọa độ: …..(3) ……

2. Chiều dài đường thủy nội địa: ……..km. Từ km thứ ……. đến km thứ ……

3. Cấp kỹ thuật đường thủy nội địa: ……..

4. Thông số kỹ thuật đường thủy nội địa:

a) Chiều rộng:

b) Chiều sâu:

c) Bán kính cong nhỏ nhất:

5. Loại đường thuỷ nội địa (quốc gia, địa phương, chuyên dùng):

6. Công trình hiện có trên đường thuỷ nội địa (chiều cao, chiều rộng khoang thông thuyền): …..

7. Thời gian bắt đầu khai thác/đóng luồng đường thủy nội địa: ……..

8. Các nội dung khác (nếu có): ……..

9. Hồ sơ gửi kèm theo gồm:

Đề nghị …….(2)……. xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:	**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)**
- Như trên;	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*
- …;	
- Lưu: VT,…	

Ghi chú:

(1) Tên luồng đường thủy nội địa.

(2) Tên cơ quan có thẩm quyền công bố mở/đóng luồng đường thủy nội địa.

(3) Hệ tọa độ VN2000.

Mẫu Quyết định Công bố mở/đóng luồng đường thủy nội địa:

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CÔNG BỐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-------	----------
Số: /QĐ-...	*..., ngày ... tháng ... năm ...*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố mở/đóng luồng đường thủy nội địa ……(1)……

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CÔNG BỐ

Căn cứ ……;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị công bố mở/đóng luồng đường thủy nội địa ... của ...;

Theo đề nghị của ……

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố mở/đóng luồng đường thủy nội địa …(1) …

Điểm đầu thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu)……., tỉnh (thành phố).....

Tọa độ: …..(2) ……

Điểm kết thúc thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu)……., tỉnh (thành phố).....

Tọa độ: …..(2) ……

Chiều dài luồng đường thủy nội địa: ……km. Từ km thứ ……. đến km thứ ……

Cấp kỹ thuật đường thủy nội địa: …….

Thông số kỹ thuật luồng đường thủy nội địa: chiều rộng (B) …….. độ sâu (H) ….. bán kính cong (R) ……

Thời gian bắt đầu thực hiện khai thác/đóng luồng đường thủy nội địa: ……

Điều 2. Trong quá trình khai thác/đóng luồng đường thủy nội địa, …(tổ chức, cá nhân) …có trách nhiệm thực hiện:

1. ……

2. ……

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. ……

2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

3. …, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như trên; - …; - Lưu: VT,…	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Ghi chú:

(1) Tên luồng đường thủy nội địa (ghi rõ đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa địa phương hoặc đường thủy nội địa chuyên dùng).

(2) Hệ tọa độ VN2000.

10. Công bố đóng luồng đường thủy nội địa chuyên dùng khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng

10.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC: *Tổ chức, cá nhân có luồng không có nhu cầu khai thác, sử dụng nộp hồ sơ đề nghị công bố đóng luồng đến Sở Xây dựng..*

b) Giải quyết TTHC:

- Chậm nhất trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Sở

Xây dựng quyết định công bố đóng luồng đường thủy nội địa trong địa giới hành chính địa phương.

- Tổ chức, cá nhân có luồng đường thủy nội địa chịu trách nhiệm thu hồi báo hiệu đường thủy nội địa trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đóng luồng đường thủy nội địa có hiệu lực. Chi phí thực hiện đóng luồng đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa địa phương được bố trí từ nguồn ngân sách địa phương.

10.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp:

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu (Địa chỉ: Tầng 1, Toà nhà số 2, Khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu; Điện thoại: 02133.796.888).

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

- Qua hệ thống bưu chính công ích.

- Trực tuyến toàn trình qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn.

- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử. Trường hợp cá nhân, tổ chức có yêu cầu nhận bản giấy thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm trả đồng thời cả bản điện tử và bản giấy. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử có giá trị pháp lý như kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng văn bản giấy.

10.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Đơn đề nghị công bố đóng luồng đường thủy nội địa.

- Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ hồ sơ.

10.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

10.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

10.6. Cơ quan thực hiện TTHC: *Sở Xây dựng*

10.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Quyết định công bố đóng luồng.

10.8. Phí, lệ phí: Chi phí liên quan khi đóng luồng chuyên dùng do tổ chức, cá nhân có luồng chuyên dùng chi trả, trừ trường hợp đóng luồng vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh do cơ quan đề nghị đóng luồng chi trả.

10.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả giải quyết TTHC: Không có.

10.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

10.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 48/2014/QH13 ngày 17/06/2014;

- Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa;

- Thông tư số 54/2026/TT-BXD ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa và Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

- Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.

11. Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa

11.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ đầu tư, nhà thầu thi công công trình, tổ chức, cá nhân tổ chức hoạt động có liên quan đến giao thông đường thủy nội địa gửi 01 (một) bộ hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền đề nghị chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông.

b) Giải quyết TTHC:

- Sở Xây dựng chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với công trình, hoạt động trên đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương, vùng nước chưa được tổ chức quản lý nhưng có hoạt động vận tải trên địa bàn địa phương và đường thủy nội địa quốc gia được Bộ trưởng Bộ Xây dựng phân cấp. *UBND cấp xã chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với công trình, hoạt động trên đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương, vùng nước chưa được tổ chức quản lý nhưng có hoạt động vận tải trên địa bàn địa phương (không bao gồm các công trình, hoạt động trên đường thủy nội địa địa phương thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Xây dựng) theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 38 Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.- Cơ quan quản lý đường thủy nội địa địa phương chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với hoạt động sửa chữa, cải tạo nâng cấp và hoạt động khác trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu thuộc phạm vi quản lý.*

- Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền có văn bản chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông gửi chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công hoặc tổ chức, cá nhân.

11.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp:

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu (Địa chỉ: Tầng 1, Toà nhà số 2, Khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu; Điện thoại: 02133.796.888).

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

- Qua hệ thống bưu chính công ích.

- Trực tuyến toàn trình qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn.

- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử. Trường hợp cá nhân, tổ chức có yêu cầu nhận bản giấy thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm trả đồng thời cả bản điện tử và bản giấy. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử có giá trị pháp lý như kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng văn bản giấy.

11.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị.

- Bản chính phương án thi công, thời gian, tiến độ thi công công trình, tổ chức hoạt động.

- Bản chính phương án bảo đảm an toàn giao thông.

- Bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể của công trình, phạm vi khu vực tổ chức thi công công trình, tổ chức hoạt động.

(Thành phần hồ sơ có quy định về các thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì các thông tin này được thay thế bằng dữ liệu khi cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành được vận hành).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

11.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

11.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Chủ đầu tư, nhà thầu thi công công trình, tổ chức, cá nhân.

11.6. Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Xây dựng; UBND cấp xã

11.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản chấp thuận, văn bản trả lời (đối với trường hợp không phê duyệt).

11.8. Phí, lệ phí: Không có.

11.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính: Văn bản đề nghị chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa.

11.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

11.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 48/2014/QH13 ngày 17/06/2014.

- Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

- Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.

Mẫu Văn bản đề nghị chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa:

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: .../...	*...., ngày ... tháng ... năm ....*

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa

Công trình/hoạt động: ……(2)….

Kính gửi: ……(1)…….

Căn cứ ……;

Tên tổ chức, cá nhân: (nếu là cá nhân ghi rõ họ và tên, số căn cước)…

Người đại diện theo pháp luật (ghi rõ họ và tên, số căn cước): …… Địa chỉ trụ sở: ……. số điện thoại liên hệ: ..…… ……

Đề nghị... (1) ... xem xét cho ý kiến phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa đối với công trình/hoạt động …… (2)……. với các thông tin như sau:

1. Tên công trình/hoạt động: ……..

2. Vị trí công trình/hoạt động có tọa độ …..(3) …….....

Từ km thứ…… đến km thứ …….....

Bên bờ (phải hay trái) ……. sông, kênh): ……..... Thuộc địa phận: xã (phường, đặc khu) ……. tỉnh / thành phố……. ...

3. Thời gian thực hiện: ……..

4. Phương án bảo đảm an toàn giao thông: ……

5. Bản sao văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có).

6. Hồ sơ gửi kèm gồm: ……..

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan./.

Nơi nhận: - Như trên; - …; - Lưu: VT,…	**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)** ***(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)***

Ghi chú:
(1) Tên cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.
(2) Tên công trình (hoặc hoạt động).
(3) Trên bờ hay dưới nước; sử dụng hệ tọa độ VN 2000.

12. Chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương

12.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu tự thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương (bao gồm cả nạo vét cơ bản, nạo vét duy tu và nạo vét khẩn cấp) bằng kinh phí của tổ chức, doanh nghiệp (không kết hợp thu hồi sản phẩm), gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến 01 (một) văn bản đề xuất theo mẫu quy định đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Giải quyết TTHC:

Căn cứ chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, giải pháp huy động vốn phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa địa phương được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối nguồn vốn ngân sách nhà nước để nạo vét tuyến luồng, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét hồ sơ và có văn bản chấp thuận có văn bản chấp thuận trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của tổ chức, doanh nghiệp. Trường hợp không chấp thuận, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản trả lời tổ chức, doanh nghiệp và nêu rõ lý do.

12.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp:

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu (Địa chỉ: Tầng 1, Toà nhà số 2, Khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu; Điện thoại: 02133.796.888).

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

- Qua hệ thống bưu chính công ích.

- Trực tuyến toàn trình qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn.

12.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Văn bản đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương theo mẫu.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

12.4. Thời hạn giải quyết: Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của tổ chức, doanh nghiệp.

12.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

12.6. Cơ quan thực hiện TTHC: *Ủy ban nhân dân cấp xã.*

12.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản chấp thuận.

12.8. Phí, lệ phí: Không có.

12.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính: Văn bản đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương.

12.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

12.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25/11/2015;

- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014;

- Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa;

- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/1/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

- Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

- Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.

Mẫu Văn bản đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương:

….(1)…	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

V/v đề xuất thực hiện nạo vét luồng hàng hải ….(3)…. /đường thủy nội địa quốc gia …(3)…	…..(2)…, ngày… tháng… năm…..

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...(4)...

Căn cứ Nghị định số …/.../NĐ-CP ngày…. tháng …. năm ... của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa;

...(1)... đề xuất thực hiện nạo vét luồng hàng hải/đường thủy nội địa quốc gia/đường thủy nội địa địa phương với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Sự cần thiết:

2. Phạm vi:

3. Quy mô thực hiện:

4. Nguồn vốn và khả năng huy động vốn thực hiện:

5. Thời gian thực hiện:

6. Phương án khai thác, vận hành (nếu có):

7. Thông tin liên hệ: Họ tên, chức vụ, điện thoại, email,…

(1)… cam kết tuân thủ quy định tại Nghị định số …../..../NĐ-CP ngày…. về việc quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa; không lợi dụng thực hiện nạo vét để thu hồi, tận thu sản phẩm nạo vét; thực hiện đúng tiến độ, chất lượng, không gây ảnh hưởng tiêu cực đến an ninh, an toàn, môi trường, cảnh quan; tự chịu trách nhiệm hiệu quả đầu tư và kinh phí đầu tư; không yêu cầu nhà nước bồi hoàn chi phí.

...(1)… kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...(4)... xem xét, chấp thuận.

Nơi nhận:	……..(4)…..
- Như trên;	(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu,
- Lưu:…	hoặc chữ ký số hợp lệ của tổ chức, doanh nghiệp nếu thực hiện trên môi trường điện tử)

Ghi chú:

(1) Tên tổ chức, doanh nghiệp đề xuất thực hiện nạo vét.

(2) Tên địa danh nơi lập văn bản.

(3) Tên luồng đề xuất nạo vét đã được cơ quan có thẩm quyền công bố.

(4) Tên địa danh nơi có khu vực đề xuất thực hiện nạo vét.

(5) Người đại diện có thẩm quyền của tổ chức, doanh nghiệp đề xuất thực hiện nạo vét.

13. Công bố khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ

13.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân có khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét gửi hồ sơ đề nghị tiếp nhận chất nạo vét trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xãcó văn bản trả lời tổ chức, cá nhân về khu vực, địa điểm đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện tiếp nhận chất nạo vét;

Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, lập danh mục, công bố khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, bao gồm các khu vực, địa điểm do tổ chức, cá nhân đề xuất và khu vực, địa điểm thuộc đất do nhà nước quản lý đủ điều kiện tiếp nhận chất nạo vét. Việc công bố này phải được ban hành thành Quyết định và niêm yết công khai trên trang thông tin điện tử và tại trụ sở của Ủy ban nhân dân cấp xã theo mẫu quy định.

13.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp:

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu (Địa chỉ: Tầng 1, Toà nhà số 2, Khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu; Điện thoại: 02133.796.888).

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

- Qua hệ thống bưu chính công ích.

- Trực tuyến toàn trình qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn.

13.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử văn bản đề nghị tiếp nhận chất nạo vét theo mẫu;

- Bản sao hoặc bản sao điện tử văn bản cho phép sử dụng khu đất của cơ quan có thẩm quyền.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

13.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.

13.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

13.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

13.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản trả lời.

13.8. Phí, lệ phí: Không có.

13.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính: Văn bản đề nghị tiếp nhận chất nạo vét từ hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

13.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

13.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

- Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa;

- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/1/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 26 Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

- Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

- Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.

Mẫu Văn bản đề nghị tiếp nhận chất nạo vét từ hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa:

….(1)……	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

V/v đề nghị tiếp nhận chất nạo vét từ hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa	*.....(2)…, ngày… tháng… năm…..*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...(3)...

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số …/...../NĐ-CP ngày …. tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa;

...(1)... đề nghị được tiếp nhận chất nạo vét từ hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh/thành phố ….. (3)… với các thông tin chi tiết như sau:

1. Khu vực, địa điểm đề nghị tiếp nhận:

2. Địa chỉ:

3. Tọa độ các điểm góc ranh giới khu vực, địa điểm đề nghị tiếp nhận: sử dụng hệ tọa độ quốc gia VN-2000

4. Diện tích: …. héc ta (ha) hoặc m^2

5. Khả năng tiếp nhận: …. m^3

6. Hiện trạng khu vực, địa điểm đề nghị tiếp nhận: mô tả hiện trạng khu đất...

7. Thời gian dự kiến tiếp nhận:

8. Các văn bản pháp lý của khu vực, địa điểm đề nghị tiếp nhận: nêu và gửi kèm bản sao các văn bản pháp lý của khu vực, địa điểm đề nghị tiếp nhận như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc các văn bản cho phép sử dụng khu đất của cơ quan có thẩm quyền.

9. Thông tin liên hệ: họ tên, chức vụ, điện thoại, email,…

…(1)… cam kết chịu trách nhiệm thực hiện đúng quy định tại Nghị định số …../..../NĐ-CP ngày…. về việc quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

...(1)… kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố …(3)…. xem xét, chấp thuận.

Nơi nhận:	**……..(4)…..**
- Như trên;	*(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu, hoặc chữ ký số hợp lệ của tổ chức, doanh nghiệp nếu thực hiện trên môi trường điện tử)*
- Lưu:…	

Ghi chú:

(1) Tên tổ chức, doanh nghiệp đề nghị tiếp nhận chất nạo vét.

(2) Tên địa danh nơi lập văn bản.

(3) Tên địa danh nơi có khu vực đề nghị tiếp nhận chất nạo vét.

(4) Người đại diện có thẩm quyền của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị tiếp nhận chất nạo vét.

14. Thủ tục chuyển đổi công năng nhà ở không thuộc tài sản công

14.1. Trình tự thực hiện:

a) Chủ đầu tư lập 01 bộ hồ sơ gửi đến Sở Xây dựng nơi có nhà ở.

b) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng kiểm tra hồ sơ và gửi lấy ý kiến các cơ quan có liên quan của địa phương.

c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Xây dựng, các cơ quan có ý kiến bằng văn bản gửi Sở Xây dựng.

d) Sở Xây dựng tổng hợp ý kiến, xem xét, có văn bản chấp thuận chuyển đổi công năng nhà ở hoặc nêu rõ lý do không đủ điều kiện chuyển đổi công năng nhà ở, gửi chủ đầu tư.

14.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp:

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu (Địa chỉ: Tầng 1, Toà nhà số 2, Khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu; Điện thoại: 02133.796.888).

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

- Qua hệ thống bưu chính công ích.

- Trực tuyến toàn trình qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn.

14.3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

- Văn bản đề nghị chuyển đổi công năng nhà ở theo mẫu tại Mục 3 Phụ lục I Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

- Đề án chuyển đổi công năng nhà ở bao gồm các nội dung: Địa chỉ, số lượng nhà ở cần chuyển đổi; nguyên nhân, sự cần thiết phải chuyển đổi công năng nhà ở, thời gian thực hiện việc chuyển đổi, loại nhà ở sau khi chuyển đổi, phương án quản lý sử dụng nhà ở sau khi chuyển đổi (cho thuê, cho thuê mua, hoặc bán theo quy định của pháp luật về nhà ở, hoặc bán đấu giá theo quy định của pháp luật về đấu giá nếu thuộc trường hợp đề nghị cho phép bán đấu giá), trách nhiệm thực hiện của các cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan, việc thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có) và các nội dung khác có liên quan.

- Quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án của cơ quan có thẩm quyền, giấy tờ nghiệm thu đưa nhà ở vào sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng (đối với trường hợp chuyển đổi nhà ở trong dự án); hồ sơ quản lý, sử dụng nhà ở (đối với trường hợp chuyển đổi nhà ở không được đầu tư xây dựng theo dự án).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

14.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 30 ngày kể từ nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

14.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*:* Chủ đầu tư.

14.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: *Sở Xây dựng*

14.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận chuyển đổi công năng nhà ở.

14.8. Lệ phí: Không có.

14.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị chuyển đổi công năng nhà ở theo mẫu tại Mục 3 Phụ lục I Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

14.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Nhà ở đã hoàn thành việc nghiệm thu đưa vào sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng nhưng chưa bố trí sử dụng.

- Chỉ thực hiện chuyển đổi công năng đối với nhà ở không thuộc tài sản công trong các trường hợp:

+ Chuyển đổi từ nhà ở phục vụ tái định cư sang nhà ở xã hội.

+ Chuyển đổi từ nhà ở xã hội khi không còn nhu cầu sử dụng sang nhà ở phục vụ tái định cư.

+ Chuyển đổi từ nhà ở sinh viên hoặc nhà ở công nhân sang nhà ở xã hội.

+ Chuyển đổi từ nhà ở sinh viên hoặc nhà ở phục vụ tái định cư mà không đủ điều kiện chuyển đổi công năng sang nhà ở xã hội để bán đấu giá.

- Đối với nhà chung cư có thể chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ nhà chung cư.

- Việc chuyển đổi công năng nhà ở không được làm thay đổi hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của khu vực có nhà ở chuyển đổi, phải bảo đảm quy chuẩn, tiêu chuẩn theo pháp luật về xây dựng và tuân thủ nghĩa vụ tài chính, thuế đối với nhà ở được chuyển đổi theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở, pháp luật về thuế và pháp luật có liên quan.

- Nhà ở chuyển đổi công năng phải có cùng nguồn vốn đầu tư xây dựng với nhà ở sau chuyển đổi.

14.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15.

- Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

- Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.

TÊN[1]…….	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ……	*……, ngày ….. tháng …… năm ……*

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN ĐỔI CÔNG NĂNG NHÀ Ở

Kính gửi[2]: …….

Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Chủ đầu tư hoặc cơ quan, đơn vị được giao quản lý nhà ở đề nghị cơ quan[3]

……. xem xét, chấp thuận chuyển đổi công năng nhà ở sau đây:

1. Địa chỉ nhà ở đề nghị chuyển đổi.

2. Tên chủ đầu tư dự án nhà ở đề nghị chuyển đổi (ghi rõ họ tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đối với nhà ở không thuộc tài sản công) hoặc ghi rõ tên cơ quan, đơn vị được giao quản lý nhà ở đối với nhà ở thuộc tài sản công có nhà ở đề nghị chuyển đổi công năng.

3. Loại nhà ở đề xuất chuyển đổi công năng (ghi rõ từ nhà ở …. sang làm nhà ở ….).

4. Lý do chuyển đổi.

5. Đề xuất thời gian thực hiện chuyển đổi.

6. Cam kết thực hiện việc quản lý sử dụng nhà ở sau khi chuyển đổi.

Kèm theo văn bản đề nghị xem xét chuyển đổi công năng nhà ở này là Đề án chuyển đổi công năng nhà ở và giấy tờ pháp lý của dự án theo quy định (đối với trường hợp chuyển đổi nhà ở trong dự án) hoặc hồ sơ quản lý sử dụng nhà ở (đối với nhà ở không xây dựng theo dự án).

Nơi nhận:	**ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ HOẶC ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ QUẢN LÝ NHÀ Ở**
- Như trên;	*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*
- Lưu:....	

[1] Ghi rõ tên tổ chức/chủ đầu tư dự án nhà ở đề nghị chuyển đổi công năng hoặc tên cơ quan, đơn vị được giao quản lý nhà ở thuộc tài sản công.

[2] Ghi rõ tên cơ quan có thẩm quyền xem xét chuyển đổi công năng nhà ở.

[3] Ghi rõ tên cơ quan có thẩm quyền xem xét chuyển đổi công năng nhà ở.

15. Thủ tục cho thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền của địa phương

15.1. Trình tự thực hiện:

a) Trường hợp thuộc các đối tượng quy định tại các điểm b, c và đ khoản 1 Điều 45 của Luật Nhà ở thì thực hiện như sau:

- Các đối tượng nêu trên phải có đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ được lập theo mẫu số 03 của phụ lục số 03 ban hành kèm theo Nghị định 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở gửi cơ quan, tổ chức nơi đang công tác; trong thời hạn tối đa 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ, cơ quan, tổ chức nơi đối tượng quy định tại khoản này đang công tác kiểm tra, xác nhận vào nội dung đơn và có văn bản gửi kèm theo đơn đề nghị đến Sở Xây dựng tại địa phương;

- Trong thời hạn tối đa 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan, tổ chức nơi đang công tác, Sở Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra và báo cáo UBND cấp tỉnh, nếu đủ điều kiện cho thuê nhà ở công vụ thì UBND cấp tỉnh ban hành quyết định cho thuê nhà ở công vụ theo mẫu số 04 của phụ lục số 03 ban hành kèm theo Nghị định 95/2024/NĐ-CP; trường hợp không đủ điều kiện thì phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do;

- Trong thời hạn tối đa 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định cho thuê nhà ở công vụ của cơ quan có thẩm quyền, đơn vị được giao quản lý vận hành nhà ở công vụ quy định tại Điều 34 của Nghị định 95/2024/NĐ-CP thực hiện ký hợp đồng thuê nhà ở với người thuê hoặc ký hợp đồng thuê nhà ở với cơ quan đang trực tiếp quản lý người thuê nhà ở theo mẫu số 02 của phụ lục số 03 ban hành kèm theo Nghị định 95/2024/NĐ-CP;

b) Trường hợp cán bộ thuộc diện quản lý theo ngành dọc của các cơ quan trung ương được điều động, luân chuyển, biệt phái về địa phương công tác mà tại địa phương nơi đến công tác, cơ quan quản lý cán bộ không có quỹ nhà ở công vụ thì phải có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí nhà ở công vụ để cho thuê.

Trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan quản lý cán bộ kèm theo đơn của người đề nghị thuê nhà ở công vụ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra và bố trí cho thuê nhà ở công vụ.

15.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp:

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu (Địa chỉ: Tầng 1, Toà nhà số 2, Khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu; Điện thoại: 02133.796.888).

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

- Qua hệ thống bưu chính công ích.

- Trực tuyến toàn trình qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn.

15.3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

- Đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ theo mẫu có xác nhận của cơ quan người thuê đang công tác;

- Văn bản đề nghị của cơ quan, đơn vị nơi người nộp đơn đang công tác

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu Quyết định điều động, luân chuyển/bổ nhiệm của người thuê nhà ở công vụ;

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

15.4. Thời hạn giải quyết: không quá 30 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

15.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: người thuộc diện được thuê nhà ở công vụ do địa phương quản lý

15.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh; *UBND cấp xã.*

- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng, *UBND cấp xã.*

15.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định đối tượng được thuê nhà ở công vụ.

15.8. Lệ phí: Không

15.9. Tên mẫu đơn, hợp đồng thuê: Đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ được lập theo mẫu số 03 của phụ lục số III ban hành kèm theo Nghị định 95/2024/NĐ-CP.

15.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Đối với đối tượng quy định tại điểm b, c, đ khoản 1 Điều 45 của Luật Nhà ở thì phải đáp ứng các điều kiện sau đây;

- Có quyết định điều động, luân chuyển, biệt phái công tác và giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng thuê nhà ở công vụ;

- Thuộc diện chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình và chưa được thuê, thuê mua hoặc mua nhà ở xã hội tại nơi đến công tác hoặc đã có nhà ở thuộc sở hữu của mình tại nơi đến công tác nhưng có diện tích nhà ở bình quân trong hộ gia đình dưới 20 m² sàn/người.

b) Đối với đối tượng quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 45 của Luật Nhà ở thì phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Có quyết định điều động, luân chuyển, biệt phái hoặc cử đến công tác tại các khu vực theo quy định tại điểm c hoặc điểm d khoản 1 Điều 45 của Luật Nhà ở;

- Thuộc diện chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình và chưa được thuê, thuê mua hoặc mua nhà ở xã hội tại nơi đến công tác hoặc đã có nhà ở thuộc sở hữu của mình tại nơi đến công tác nhưng có diện tích nhà ở bình quân trong hộ gia đình dưới 20 m^2 sàn/người. Trường hợp đến công tác tại khu vực nông thôn vùng sâu, vùng xa có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới, hải đảo thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định khoảng cách cho phù hợp với tình hình thực tế của từng khu vực nhưng phải cách xa từ nơi ở của mình đến nơi công tác tối thiểu là 10 km.

15.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Nhà ở năm 2023;

- Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

- Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.

Mẫu Đơn thuê nhà ở công vụ

(Ban hành kèm theo mẫu số 03 phụ lục số IIl của Nghị định số 95/2024/NĐ-CP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THUÊ NHÀ Ở CÔNG VỤ

Kính gửi: *cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà ở công vụ*

Tên tôi là: ……

Số định danh cá nhân (nếu có)[8]: ……

Chỗ ở hiện nay: ……

Đang ở thuê □ Đang ở nhà khách □ Đang ở nhờ □

Hiện đang công tác tại: ……

Chức vụ: …… ; phụ cấp chức vụ: ……

Điện thoại: …… Email ……

Hiện nay tôi chưa có nhà ở (chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình, chưa được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội) tại nơi đến công tác.

Tôi làm đơn này đề nghị cơ quan …… xem xét cho tôi được thuê nhà ở công vụ và cam đoan chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước về thuê, sử dụng nhà ở công vụ (Số thành viên trong gia đình ở cùng là: …… người).

Kèm theo đơn này là bản sao Quyết định số ... ngày …/…/… của ……về việc bổ nhiệm hoặc/và điều động, luân chuyển công tác.

Tôi cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và chịu trách nhiệm về những lời khai của mình trước pháp luật./.

Xác nhận của cơ quan quản lý người đề nghị thuê nhà ở công vụ *(về thực trạng nhà ở tại địa phương nơi đến công tác)*	*……., ngày ……. tháng …….. năm ……* **Người làm đơn** *(Ký và ghi rõ họ tên)*

16. Thủ tục cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp chưa có hợp đồng thuê nhà ở

16.1. Trình tự thực hiện:

- Người đề nghị thuê nhà ở nộp 01 bộ hồ sơ cho đơn vị quản lý vận hành nhà ở hoặc nộp cho cơ quan quản lý nhà ở (cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà ở là *UBND cấp xã thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu nhà ở cũ thuộc tài sản công thì UBND cấp xã đồng thời là cơ quan quản lý nhà ở).*

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ (đơn vị quản lý vận hành hoặc cơ quan quản lý nhà ở) có trách nhiệm kiểm tra, có giấy biên nhận hồ sơ; trường hợp người nộp đơn không thuộc đối tượng được thuê nhà ở thì phải có văn bản thông báo cho người hộp hồ sơ biết rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ còn thiếu giấy tờ thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải hướng dẫn ngay nếu người nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải có văn bản thông báo để người nộp đơn bổ sung giấy tờ còn thiếu theo quy định, không được trả lại hồ sơ để nộp lại từ đầu.

Trường hợp đơn vị quản lý vận hành nhà ở tiếp nhận hồ sơ thì phải báo cáo cơ quan quản lý nhà ở xem xét, trình cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà ở quyết định việc cho thuê nhà ở;

- Trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà ở có trách nhiệm kiểm tra, lập tờ trình kèm theo dự thảo quyết định phê duyệt đối tượng được thuê nhà ở cũ gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định;

- Trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình của cơ quan quản lý nhà ở, cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà ở xem xét, ban hành quyết định phê duyệt đối tượng được thuê nhà ở. Quyết định này được gửi cho cơ quan quản lý nhà ở để thông báo cho đơn vị quản lý vận hành nhà ở thực hiện ký kết hợp đồng thuê nhà ở. Trường hợp nhà ở cũ do Bộ Quốc phòng đang quản lý mà giao thẩm quyền quyết định đối tượng được thuê nhà ở cho cơ quan quản lý nhà ở thì cơ quan này ban hành quyết định phê duyệt đối tượng được thuê nhà ở.

Sau khi có quyết định phê duyệt, đơn vị quản lý vận hành nhà ở thực hiện ký kết hợp đồng với người thuê nhà ở.

16.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp:

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu (Địa chỉ: Tầng 1, Toà nhà số 2, Khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu; Điện thoại: 02133.796.888).

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

- Qua hệ thống bưu chính công ích.

- Trực tuyến toàn trình qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn.

16.3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

- Đơn đề nghị thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công theo Mẫu số 02 của Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở[1]; (Mẫu đơn có quy định về các thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì các thông tin này được thay thế bằng mã số định danh cá nhân hoặc mã số chuyên ngành thể hiện trong mẫu đơn, tờ khai khi cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành được vận hành).

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu giấy tờ chứng minh việc bố trí, sử dụng nhà ở theo một trong các trường hợp sau:

(1) Hộ gia đình, cá nhân đang thực tế sử dụng nhà ở và chưa có hợp đồng thuê nhà ở nhưng có quyết định hoặc văn bản phân phối, bố trí sử dụng nhà ở (sau đây gọi chung là văn bản bố trí sử dụng nhà ở) và có tên trong văn bản bố trí sử dụng này, bao gồm cả trường hợp nhà ở mà Nhà nước cho phép đầu tư xây dựng bằng vốn ngân sách nhà nước trước ngày 27 tháng 11 năm 1992 (ngày ban hành Quyết định số 118/TTg của Thủ tướng Chính phủ về giá cho thuê nhà ở và đưa tiền nhà ở vào tiền lương, sau đây gọi tắt là Quyết định số 118/TTg) nhưng từ ngày 27 tháng 11 năm 1992 mới hoàn thành xây dựng và đưa vào sử dụng để phân phối bố trí cho thuê theo Quyết định số 118/TTg và trường hợp người đang thuê nhà ở từ trước ngày 27 tháng 11 năm 1992 nhưng thuộc diện phải điều chuyển công tác và Nhà nước yêu cầu phải trả lại nhà ở đang thuê, sau đó được cơ quan nhà nước bố trí cho thuê nhà ở khác sau ngày 27 tháng 11 năm 1992;

(2) Trường hợp thuộc diện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 62 của Nghị định này thì phải không thuộc diện có tranh chấp về quyền sử dụng nhà ở, không thuộc diện chiếm dụng nhà ở và phải có một trong các giấy tờ chứng minh sử dụng nhà ở được cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày 19 tháng 01 năm 2007, bao gồm:

a) Giấy tờ về đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú theo quy định của pháp luật về cư trú tại thời điểm sử dụng nhà ở;

b) Giấy tờ về đăng ký kê khai nhà ở;

c) Biên lai nộp tiền sử dụng đất hàng năm.

+ Trường hợp nhận chuyển quyền thuê thì phải kèm theo một trong các giấy tờ sau:

(1) Hộ gia đình, cá nhân đang thực tế sử dụng nhà ở và đã có hợp đồng thuê nhà ở ký với cơ quan có thẩm quyền;

(2) Hộ gia đình, cá nhân đang thực tế sử dụng nhà ở và chưa có hợp đồng thuê nhà ở nhưng có quyết định hoặc văn bản phân phối, bố trí sử dụng nhà ở (sau đây gọi chung là văn bản bố trí sử dụng nhà ở) và có tên trong văn bản bố trí sử dụng này, bao gồm cả trường hợp nhà ở mà Nhà nước cho phép đầu tư xây dựng bằng vốn ngân sách nhà nước trước ngày 27 tháng 11 năm 1992 (ngày ban hành Quyết định số 118/TTg của Thủ tướng Chính phủ về giá cho thuê nhà ở và đưa tiền nhà ở vào tiền lương, sau đây gọi tắt là Quyết định số 118/TTg) nhưng từ ngày 27 tháng 11 năm 1992 mới hoàn thành xây dựng và đưa vào sử dụng để phân phối bố trí cho thuê theo Quyết định số 118/TTg và trường hợp người đang thuê nhà ở từ trước ngày 27 tháng

[1] Nội dung được sửa đổi bổ sung tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản.

11 năm 1992 nhưng thuộc diện phải điều chuyển công tác và Nhà nước yêu cầu phải trả lại nhà ở đang thuê, sau đó được cơ quan nhà nước bố trí cho thuê nhà ở khác sau ngày 27 tháng 11 năm 1992;

(3) Trường hợp có hợp đồng thuê nhà ở nhưng không thuộc diện quy định tại điểm b khoản này và người đang sử dụng nhà ở có giấy tờ chứng minh đã nộp tiền thuê nhà ở trước khi ký kết hợp đồng thuê nhà thì thời điểm bố trí sử dụng nhà ở được xác định theo thời điểm nộp tiền thuê nhà ở; trường hợp khi ký kết hợp đồng thuê nhà ở mà cơ quan có thẩm quyền đã truy thu tiền thuê nhà ở (có giấy tờ chứng minh việc truy thu tiền thuê nhà ở) thì thời điểm bố trí sử dụng nhà ở được xác định theo thời điểm tính truy thu tiền thuê nhà ở;

+ Trường hợp là vợ chồng thì phải có bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu giấy chứng nhận kết hôn[2]; (Thành phần hồ sơ có quy định về các thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì các thông tin này được thay thế bằng mã số định danh cá nhân hoặc mã số chuyên ngành thể hiện trong mẫu đơn, tờ khai khi cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành được vận hành).

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền thuê nhà ở (nếu có) sau:

(1) Trường hợp là người có công với cách mạng thì phải có giấy tờ chứng minh do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng;

(2) Trường hợp là người khuyết tật hoặc người cao tuổi thì phải có giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về người khuyết tật hoặc chính sách trợ giúp cho các đối tượng bảo trợ xã hội;

(3) Trường hợp là hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị thì phải có giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi người đó đang thường trú hoặc đang tạm trú từ 01 năm trở lên.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

16.4. Thời hạn giải quyết: không quá 30 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

16.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người đang thực tế sử dụng nhà ở cũ thuộc tài sản công.

16.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: *Ủy ban nhân dân cấp xã.*

16.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đối tượng được thuê nhà ở cũ

16.8. Lệ phí: Không

16.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu đơn đề nghị thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công theo Mẫu số 02 của Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số

---

[2] Nội dung được sửa đổi bổ sung tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản.

95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

16.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Là người đang thực tế sử dụng nhà ở cũ thuộc tài sản công do nhà nước bố trí sử dụng trước ngày 19/01/2007, có giấy tờ chứng minh việc được bố trí, sử dụng nhà ở và có nhu cầu thuê nhà ở.

- Nhà ở cho thuê không thuộc diện có tranh chấp về quyền sử dụng nhà ở hoặc không thuộc diện chiếm dụng trái pháp luật.

16.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Nhà ở năm 2023;

- Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

- Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản.

- Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.

Mẫu đơn đề nghị thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THUÊ NHÀ Ở CŨ THUỘC TÀI SẢN CÔNG

Kính gửi[1]: .....

Họ và tên người đề nghị[2]:.....

Năm sinh.....Giới tính.....

Số định danh cá nhân:.....

Nơi ở hiện tại[3]:.....

Số thành viên trong hộ gia đình[4].....người, bao gồm:

1. Họ và tên ……..…..số định danh cá nhân…….……

2. Họ và tên ……..…..số định danh cá nhân…….……

3. Họ và tên …….…….…..số định danh cá nhân……..……

4. Họ và tên …….…….…..số định danh cá nhân…..…….

5.....

.....

Tôi làm đơn này đề nghị được giải quyết cho thuê nhà ở tại địa chỉ số[5].....

Kèm theo đơn này là các giấy tờ liên quan đến nhà ở như sau[6]:

1.....

2.....

3.....

Tôi xin chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng nhà ở cũ thuộc tài sản công. Tôi cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai.

Tôi cam kết nhà ở đang sử dụng không có tranh chấp, khiếu kiện.

Các thành viên trong hộ gia đình
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày ..... tháng .....năm .....
Người viết đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

[1] Ghi tên đơn vị quản lý vận hành nhà ở hoặc cơ quan quản lý nhà ở.

[2] Ghi tên người đại diện các thành viên trong hộ gia đình đề nghị thuê nhà ở.

[3] Ghi theo quy định của pháp luật về cư trú.

[4] Ghi rõ số lượng thành viên trong hộ gia đình và ghi họ tên, mối quan hệ của từng thành viên với người đứng tên viết đơn.

[5] Ghi rõ địa chỉ nhà ở mà người đang sử dụng nhà ở đề nghị được ký hợp đồng thuê.

[6] Ghi rõ Quyết định hoặc văn bản phân phối, bố trí nhà ở hoặc hợp đồng thuê nhà hoặc giấy tờ chứng minh sử dụng nhà ở theo quy định; giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng miễn, giảm tiền thuê nhà ở…(nếu có). Trường hợp các giấy tờ này có thông tin mà đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được vận hành thì người thực hiện thủ tục chỉ cần cung cấp thông tin mã số định danh cá nhân hoặc mã số chuyên ngành mà không phải nộp bản giấy các giấy tờ này.

17. Thủ tục cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp nhận chuyển quyền thuê nhà ở

17.1. Trình tự thực hiện:

- Trường hợp người đang sử dụng nhà ở nhận chuyển quyền thuê nhà ở trước ngày 06 tháng 6 năm 2013 (ngày Nghị định số 34/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về quản lý sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước có hiệu lực thi hành, sau đây gọi tắt là Nghị định số 34/2013/NĐ-CP) thì người đề nghị thuê nhà ở nộp đến đơn vị quản lý vận hành nhà ở hoặc cơ quan quản lý nhà ở. Trường hợp UBND cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền cho UBND cấp xã thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu nhà ở cũ thuộc tài sản công thì UBND cấp xã đồng thời là cơ quan quản lý nhà ở[5].

Trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, đơn vị quản lý vận hành thực hiện đăng tải 03 lần liên tục thông tin về nhà ở cho thuê trên báo của địa phương và trên Cổng thông tin điện tử của đơn vị mình; trường hợp cơ quan quản lý nhà ở tiếp nhận hồ sơ thì chuyển cho đơn vị quản lý vận hành nhà ở thực hiện việc đăng tin.

Sau 30 ngày, kể từ ngày đăng tin lần cuối, nếu không có tranh chấp, khiếu kiện về nhà ở cho thuê thì đơn vị quản lý vận hành nhà ở ký hợp đồng với người thuê và báo cáo cơ quan quản lý nhà ở biết để theo dõi, quản lý; nếu có tranh chấp, khiếu kiện về nhà ở này thì chỉ thực hiện ký hợp đồng thuê sau khi đã giải quyết xong tranh chấp, khiếu kiện;

- Trường hợp người đang thực tế sử dụng nhà ở là người nhận chuyển quyền thuê nhà ở từ ngày 06 tháng 6 năm 2013 thì người đề nghị thuê nhà ở gửi 01 bộ hồ sơ đến đơn vị quản lý vận hành nhà ở hoặc cơ quan quản lý nhà ở.

Trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà ở tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, nếu nhà ở không có tranh chấp, khiếu kiện thì có văn bản đồng ý về việc chuyển quyền thuê nhà ở và gửi văn bản này kèm theo bản sao hồ sơ đề nghị thuê nhà cho đơn vị quản lý vận hành nhà ở để ký hợp đồng với người thuê.

Trường hợp đơn vị quản lý vận hành tiếp nhận hồ sơ thì trong thời hạn tối đa 10 ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, đơn vị quản lý vận hành có trách nhiệm kiểm tra và báo cáo cơ quan quản lý nhà ở xem xét, để có văn bản đồng ý về việc chuyển quyền thuê nhà ở trước khi thực hiện ký kết hợp đồng; trường hợp cơ quan quản lý nhà ở không đồng ý thì phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do cho người đề nghị thuê nhà ở biết.

17.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp:

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu (Địa chỉ: Tầng 1, Toà nhà số 2, Khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu; Điện thoại: 02133.796.888).

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

- Qua hệ thống bưu chính công ích.

- Trực tuyến toàn trình qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn.

17.3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

- Đơn đề nghị thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công theo Mẫu số 02 của Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở[3]; (Mẫu đơn có quy định về các thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì các thông tin này được thay thế bằng mã số định danh cá nhân hoặc mã số chuyên ngành thể hiện trong mẫu đơn, tờ khai khi cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành được vận hành).

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu giấy tờ chứng minh việc bố trí, sử dụng nhà ở theo một trong các trường hợp sau:

(1) Hộ gia đình, cá nhân đang thực tế sử dụng nhà ở và chưa có hợp đồng thuê nhà ở nhưng có quyết định hoặc văn bản phân phối, bố trí sử dụng nhà ở (sau đây gọi chung là văn bản bố trí sử dụng nhà ở) và có tên trong văn bản bố trí sử dụng này, bao gồm cả trường hợp nhà ở mà Nhà nước cho phép đầu tư xây dựng bằng vốn ngân sách nhà nước trước ngày 27 tháng 11 năm 1992 (ngày ban hành Quyết định số 118/TTg của Thủ tướng Chính phủ về giá cho thuê nhà ở và đưa tiền nhà ở vào tiền lương, sau đây gọi tắt là Quyết định số 118/TTg) nhưng từ ngày 27 tháng 11 năm 1992 mới hoàn thành xây dựng và đưa vào sử dụng để phân phối bố trí cho thuê theo Quyết định số 118/TTg và trường hợp người đang thuê nhà ở từ trước ngày 27 tháng 11 năm 1992 nhưng thuộc diện phải điều chuyển công tác và Nhà nước yêu cầu phải trả lại nhà ở đang thuê, sau đó được cơ quan nhà nước bố trí cho thuê nhà ở khác sau ngày 27 tháng 11 năm 1992;

(2) Trường hợp thuộc diện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 62 của Nghị định này thì phải không thuộc diện có tranh chấp về quyền sử dụng nhà ở, không thuộc diện chiếm dụng nhà ở và phải có một trong các giấy tờ chứng minh sử dụng nhà ở được cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày 19 tháng 01 năm 2007, bao gồm:

a) Giấy tờ về đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú theo quy định của pháp luật về cư trú tại thời điểm sử dụng nhà ở;

b) Giấy tờ về đăng ký kê khai nhà ở;

c) Biên lai nộp tiền sử dụng đất hàng năm.

+ Trường hợp nhận chuyển quyền thuê thì phải kèm theo một trong các giấy tờ sau:

(1) Hộ gia đình, cá nhân đang thực tế sử dụng nhà ở và đã có hợp đồng thuê nhà ở ký với cơ quan có thẩm quyền;

(2) Hộ gia đình, cá nhân đang thực tế sử dụng nhà ở và chưa có hợp đồng thuê nhà ở nhưng có quyết định hoặc văn bản phân phối, bố trí sử dụng nhà ở (sau đây gọi chung là văn bản bố trí sử dụng nhà ở) và có tên trong văn bản bố trí sử dụng này,

---

[3] Nội dung được sửa đổi bổ sung tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản.

bao gồm cả trường hợp nhà ở mà Nhà nước cho phép đầu tư xây dựng bằng vốn ngân sách nhà nước trước ngày 27 tháng 11 năm 1992 (ngày ban hành Quyết định số 118/TTg của Thủ tướng Chính phủ về giá cho thuê nhà ở và đưa tiền nhà ở vào tiền lương, sau đây gọi tắt là Quyết định số 118/TTg) nhưng từ ngày 27 tháng 11 năm 1992 mới hoàn thành xây dựng và đưa vào sử dụng để phân phối bố trí cho thuê theo Quyết định số 118/TTg và trường hợp người đang thuê nhà ở từ trước ngày 27 tháng 11 năm 1992 nhưng thuộc diện phải điều chuyển công tác và Nhà nước yêu cầu phải trả lại nhà ở đang thuê, sau đó được cơ quan nhà nước bố trí cho thuê nhà ở khác sau ngày 27 tháng 11 năm 1992;

(3) Trường hợp có hợp đồng thuê nhà ở nhưng không thuộc diện quy định tại điểm b khoản này và người đang sử dụng nhà ở có giấy tờ chứng minh đã nộp tiền thuê nhà ở trước khi ký kết hợp đồng thuê nhà thì thời điểm bố trí sử dụng nhà ở được xác định theo thời điểm nộp tiền thuê nhà ở; trường hợp khi ký kết hợp đồng thuê nhà ở mà cơ quan có thẩm quyền đã truy thu tiền thuê nhà ở (có giấy tờ chứng minh việc truy thu tiền thuê nhà ở) thì thời điểm bố trí sử dụng nhà ở được xác định theo thời điểm tính truy thu tiền thuê nhà ở;

+ Trường hợp là vợ chồng thì phải có bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu giấy chứng nhận kết hôn[4](Thành phần hồ sơ có quy định về các thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì các thông tin này được thay thế bằng mã số định danh cá nhân hoặc mã số chuyên ngành thể hiện trong mẫu đơn, tờ khai khi cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành được vận hành).

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền thuê nhà ở (nếu có) sau:

(1) Trường hợp là người có công với cách mạng thì phải có giấy tờ chứng minh do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng;

(2) Trường hợp là người khuyết tật hoặc người cao tuổi thì phải có giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về người khuyết tật hoặc chính sách trợ giúp cho các đối tượng bảo trợ xã hội;

(3) Trường hợp là hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị thì phải có giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi người đó đang thường trú hoặc đang tạm trú từ 01 năm trở lên.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

17.4. Thời hạn giải quyết:

- Không quá 45 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp người đang sử dụng nhà ở nhận chuyển quyền thuê nhà ở trước ngày 06 tháng 6 năm 2013 (ngày Nghị định số 34/2013/NĐ-CP có hiệu lực thi hành);

[4] Nội dung được sửa đổi bổ sung tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản.

- Không quá 25 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp người đang thực tế sử dụng nhà ở là người nhận chuyển quyền thuê nhà ở từ ngày 06 tháng 6 năm 2013.

17.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người đang thực tế sử dụng nhà ở cũ thuộc tài sản công.

17.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: *Ủy ban nhân dân cấp xã.*

17.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản đồng ý chuyển nhượng; hợp đồng thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công.

17.8. Lệ phí: Không

17.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị thuê nhà ở cũ được lập theo Mẫu số 02 của Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

17.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Là người đang thực tế sử dụng nhà ở cũ thuộc tài sản công do nhà nước bố trí sử dụng trước ngày 19/01/2007, có giấy tờ chứng minh việc được bố trí, sử dụng nhà ở và có nhu cầu thuê nhà ở.

Nhà ở cho thuê không thuộc diện có tranh chấp về quyền sử dụng nhà ở hoặc không thuộc diện chiếm dụng trái pháp luật.

17.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Nhà ở năm 2023;

- Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

- Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản.

- Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.

Mẫu đơn đề nghị thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THUÊ NHÀ Ở CŨ THUỘC TÀI SẢN CÔNG

Kính gửi[1]: .....

Họ và tên người đề nghị[2]:.....

Năm sinh.....Giới tính.....

Số định danh cá nhân:.....

Nơi ở hiện tại[3]:.....

Số thành viên trong hộ gia đình[4].....người, bao gồm:

1. Họ và tên ……..…..số định danh cá nhân……..

2. Họ và tên ……..…..số định danh cá nhân……..

3. Họ và tên ……..……..số định danh cá nhân……..……..

4. Họ và tên ……..……..số định danh cá nhân…..……..……..

5.....

.....

Tôi làm đơn này đề nghị được giải quyết cho thuê nhà ở tại địa chỉ số[5]..... Kèm theo đơn này là các giấy tờ liên quan đến nhà ở như sau[6]:

1.....

2.....

3.....

.....

Tôi xin chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng nhà ở cũ thuộc tài sản công. Tôi cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai.

Tôi cam kết nhà ở đang sử dụng không có tranh chấp, khiếu kiện.

....., ngày ..... tháng .....năm
.....
Người viết đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Các thành viên trong hộ gia đình
(Ký, ghi rõ họ tên)

---

[1] Ghi tên đơn vị quản lý vận hành nhà ở hoặc cơ quan quản lý nhà ở.

[2] Ghi tên người đại diện các thành viên trong hộ gia đình đề nghị thuê nhà ở.

[3] Ghi theo quy định của pháp luật về cư trú.

[4] Ghi rõ số lượng thành viên trong hộ gia đình và ghi họ tên, mối quan hệ của từng thành viên với người đứng tên viết đơn.

[5] Ghi rõ địa chỉ nhà ở mà người đang sử dụng nhà ở đề nghị được ký hợp đồng thuê.

[6] Ghi rõ Quyết định hoặc văn bản phân phối, bố trí nhà ở hoặc hợp đồng thuê nhà hoặc giấy tờ chứng minh sử dụng nhà ở theo quy định; giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng miễn, giảm tiền thuê nhà ở…(nếu có). Trường hợp các giấy tờ này có thông tin mà đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được vận hành thì người thực hiện thủ tục chỉ cần cung cấp thông tin mã số định danh cá nhân hoặc mã số chuyên ngành mà không phải nộp bản giấy các giấy tờ này.

18. Thủ tục cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường ký lại hợp đồng thuê

18.1. Trình tự thực hiện:

- Trước ngày hết hạn hợp đồng thuê nhà tối thiểu 30 ngày, người đang thuê nhà ở nộp 01 bộ hồ sơ đến đơn vị quản lý vận hành nhà ở hoặc cơ quan quản lý nhà ở. Trường hợp UBND cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền cho UBND cấp xã thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu nhà ở cũ thuộc tài sản công thì UBND cấp xã đồng thời là cơ quan quản lý nhà ở[5].

- Trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị ký lại hợp đồng, đơn vị quản lý vận hành hoặc cơ quan quản lý nhà ở có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trường hợp người thuê nhà ở vẫn thuộc đối tượng và đủ điều kiện thuê nhà ở theo quy định thì có văn bản thông báo rõ thời gian, địa điểm để người thuê thực hiện ký lại hợp đồng thuê nhà ở; trường hợp không còn đủ điều kiện thuê nhà ở thì phải có thông báo cho người thuê biết rõ lý do.

Trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo, người đề nghị thực hiện ký lại hợp đồng.

18.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp:

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu (Địa chỉ: Tầng 1, Toà nhà số 2, Khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu; Điện thoại: 02133.796.888).

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

- Qua hệ thống bưu chính công ích.

- Trực tuyến toàn trình qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn.

18.3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

- Đơn đề nghị thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công theo Mẫu số 02 của Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở[6] (Mẫu đơn có quy định về các thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì các thông tin này được thay thế bằng mã số định danh cá nhân hoặc mã số chuyên ngành thể hiện trong mẫu đơn, tờ khai khi cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành được vận hành).

- Bản chính hợp đồng thuê nhà ở đã ký kết với cơ quan có thẩm quyền.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

18.4. Thời hạn giải quyết: không quá 15 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

---

[5] Theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản.

[6] Nội dung được sửa đổi bổ sung tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản.

18.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người đang thực tế sử dụng nhà ở cũ thuộc tài sản công.

18.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: *UBND cấp xã.*

18.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Hợp đồng thuê nhà.

18.8. Lệ phí: Không

18.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công theo Mẫu số 02 của Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

18.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Là người đang thực tế sử dụng nhà ở cũ thuộc tài sản công do nhà nước bố trí sử dụng trước ngày 19/01/2007, có hợp đồng thuê nhà ở và có nhu cầu tiếp tục thuê nhà ở.

18.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Nhà ở năm 2023;

- Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

- Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản.

- Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.

Mẫu đơn đề nghị thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THUÊ NHÀ Ở CŨ THUỘC TÀI SẢN CÔNG

Kính gửi[1]: ……

Họ và tên người đề nghị[2]: ……..…….

Năm sinh ……..…… Giới tính ……..……

Số định danh cá nhân: …….……...

Nơi ở hiện tại[3]: …….……..

Số thành viên trong hộ gia đình[4]…… người, bao gồm:

1. Họ và tên …… số định danh cá nhân …….……...

2. Họ và tên ……..… số định danh cá nhân …….……...

3. Họ và tên ……..……..số định danh cá nhân ….…….……...

4. Họ và tên ……..……..… số định danh cá nhân ….……

5. ……..……..

Tôi làm đơn này đề nghị được giải quyết cho thuê nhà ở tại địa chỉ số[5] ……...

Kèm theo đơn này là các giấy tờ liên quan đến nhà ở như sau[6]:

1……..…

2 …….……..

3…….……

……..…..

Tôi xin chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng nhà ở cũ thuộc tài sản công. Tôi cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai.

Tôi cam kết nhà ở đang sử dụng không có tranh chấp, khiếu kiện.

Các thành viên trong hộ gia đình	*……, ngày……tháng……năm……*
(Ký, ghi rõ họ tên)	**Người viết đơn**
	(Ký và ghi rõ họ tên)

---

[1] Ghi tên đơn vị quản lý vận hành nhà ở hoặc cơ quan quản lý nhà ở.

[2] Ghi tên người đại diện các thành viên trong hộ gia đình đề nghị thuê nhà ở.

[3] Ghi theo quy định của pháp luật về cư trú.

[4] Ghi rõ số lượng thành viên trong hộ gia đình và ghi họ tên, mối quan hệ của từng thành viên với người đứng tên viết đơn.

[5] Ghi rõ địa chỉ nhà ở mà người đang sử dụng nhà ở đề nghị được ký hợp đồng thuê.

[6] Ghi rõ Quyết định hoặc văn bản phân phối, bố trí nhà ở hoặc hợp đồng thuê nhà hoặc giấy tờ chứng minh sử dụng nhà ở theo quy định; giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng miễn, giảm tiền thuê nhà ở... (nếu có). Trường hợp các giấy tờ này có thông tin mà đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được vận hành thì người thực hiện thủ tục chỉ cần cung cấp thông tin mã số định danh cá nhân hoặc mã số chuyên ngành mà không phải nộp bản giấy các giấy tờ này

19. Chuyển đổi công năng nhà ở đối với nhà ở xây dựng trong dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh

19.1. Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư lập 01 bộ hồ sơ gửi đến *Ủy ban nhân dân cấp xã* nơi có nhà ở;

- Trong thời hạn tối đa 10 ngày[7], kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hồ sơ; nếu đáp ứng quy định thì báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nhà ở chấp thuận chuyển đổi công năng; trường hợp không đủ điều kiện chuyển đổi công năng nhà ở thì phải có văn bản trả lời chủ đầu tư nêu rõ lý do;

- Trong thời hạn tối đa *20 ngày*, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, chấp thuận việc chuyển đổi công năng nhà ở; trường hợp không đủ điều kiện chuyển đổi công năng thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản gửi Sở Xây dựng nêu rõ lý do để trả lời cho chủ đầu tư biết.

19.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp:

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu (Địa chỉ: Tầng 1, Toà nhà số 2, Khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu; Điện thoại: 02133.796.888).

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

- Qua hệ thống bưu chính công ích.

- Trực tuyến toàn trình qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn.

19.3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

- Văn bản đề nghị chuyển đổi công năng nhà ở được lập theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

- Đề án chuyển đổi công năng nhà ở bao gồm các nội dung: địa chỉ, số lượng nhà ở cần chuyển đổi; nguyên nhân, sự cần thiết phải chuyển đổi công năng nhà ở, thời gian thực hiện việc chuyển đổi, loại nhà ở sau khi chuyển đổi, phương án quản lý sử dụng nhà ở sau khi chuyển đổi (cho thuê, cho thuê mua hoặc bán theo quy định pháp luật về nhà ở), trách nhiệm thực hiện của các cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan, việc thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có) và các nội dung khác có liên quan;

- Bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao được chứng thực hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý giấy tờ: Quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án của cơ quan có thẩm quyền, giấy tờ nghiệm thu đưa nhà ở vào sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

19.4. Thời hạn giải quyết: không quá 30 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

---

[7] Nội dung được sửa đổi bổ sung tại điểm a khoản 2 Điều 20 Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản.

19.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư dự án nhà ở có nhu cầu chuyển đổi công năng nhà ở.

19.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: *UBND cấp xã.*

19.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận chuyển đổi công năng nhà ở của UBND cấp tỉnh.

19.8. Lệ phí: Không

19.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu văn bản đề nghị chuyển đổi công năng nhà ở được lập theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

19.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Nhà ở đã hoàn thành việc nghiệm thu đưa vào sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng nhưng chưa bố trí sử dụng.

- Nhà ở chuyển đổi công năng phải đáp ứng quy định sau:

+ Việc chuyển đổi công năng nhà ở phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

* Phải phù hợp với chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh đã được phê duyệt, không gây thất thoát tài sản công;

* Nhà ở sau khi được chuyển đổi công năng phải sử dụng hiệu quả, đúng mục đích và phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của nhà ở được chuyển đổi;

* Phải được Bộ Xây dựng hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận.

+ Yêu cầu đối với việc chuyển đổi công năng nhà ở:

* Đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở chưa hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng mà chủ đầu tư có nhu cầu điều chỉnh mục tiêu đầu tư thì thực hiện điều chỉnh mục tiêu dự án trong chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về nhà ở; đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công thì việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

* Đối với nhà ở đã hoàn thành việc nghiệm thu đưa vào sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng nhưng chưa bố trí sử dụng thì thực hiện chuyển đổi công năng nhà ở theo quy định của Luật Nhà ở và Nghị định này.

* Nhà ở chuyển đổi công năng phải đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 124 của Luật Nhà ở và quy định tại Điều 49 của Nghị định 95/2024/NĐ-CP.

* Chỉ thực hiện chuyển đổi công năng đối với nhà ở thuộc diện quy định tại khoản 1 Điều 124 của Luật Nhà ở; đối với nhà chung cư thì có thể chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ nhà chung cư.

* Việc chuyển đổi công năng nhà ở không được làm thay đổi hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của khu vực có nhà ở chuyển đổi, phải bảo đảm quy chuẩn, tiêu chuẩn theo pháp luật về xây dựng và tuân thủ nghĩa vụ tài chính, thuế đối với nhà ở được chuyển đổi theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở, pháp luật về thuế và pháp luật có liên quan.

* Nhà ở chuyển đổi công năng phải có cùng nguồn vốn đầu tư xây dựng với nhà ở sau chuyển đổi.

* Đối với dự án được đầu tư bằng vốn đầu tư công sau khi chuyển đổi công năng thì việc quản lý tiền thu được từ việc thuê, thuê mua, bán nhà ở được thực hiện theo quy định tại Điều 60 của Nghị định 95/2024/NĐ-CP.

- Các trường hợp được chuyển đổi công năng nhà ở bao gồm:

* Chuyển đổi từ nhà ở phục vụ tái định cư sang nhà ở xã hội;

* Chuyển đổi từ nhà ở công vụ hoặc nhà ở xã hội khi không còn nhu cầu sử dụng sang nhà ở phục vụ tái định cư;

* Chuyển đổi nhà ở thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 13 của Luật này sang nhà ở công vụ hoặc sang nhà ở xã hội để cho thuê;

* Trường hợp khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở đề xuất của Bộ Xây dựng.

Đối với nhà chung cư thì có thể chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ nhà chung cư.

- Việc chuyển đổi công năng nhà ở không được làm thay đổi hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của khu vực có nhà ở chuyển đổi, phải bảo đảm quy chuẩn, tiêu chuẩn theo pháp luật về xây dựng và tuân thủ nghĩa vụ tài chính, thuế đối với nhà ở được chuyển đổi theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở, pháp luật về thuế và pháp luật có liên quan.

- Nhà ở chuyển đổi công năng phải có cùng nguồn vốn đầu tư xây dựng với nhà ở sau chuyển đổi.

19.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Nhà ở năm 2023;

- Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

- Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản.

- Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.

Mẫu văn bản đề nghị chuyển đổi công năng nhà ở
(Ban hành kèm theo Phụ lục IV Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ)

TÊN[1]…….. **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số:	*……., ngày ... tháng ... năm …....*

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN ĐỔI CÔNG NĂNG NHÀ Ở

Kính gửi[2]:……..……..

Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số……/2024/NĐ-CP ngày.... tháng .... năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

Chủ đầu tư hoặc cơ quan, đơn vị được giao quản lý nhà ở đề nghị cơ quan[3] ……. xem xét, chấp thuận chuyển đổi công năng nhà ở sau đây:

1. Địa chỉ nhà ở đề nghị chuyển đổi;

2. Tên chủ đầu tư dự án nhà ở đề nghị chuyển đổi (ghi rõ họ tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đối với nhà ở không thuộc tài sản công) hoặc ghi rõ tên cơ quan, đơn vị được giao quản lý nhà ở đối với nhà ở thuộc tài sản công có nhà ở đề nghị chuyển đổi công năng;

3. Loại nhà ở đề xuất chuyển đổi công năng (ghi rõ từ nhà ở ..... sang làm nhà ở ....);

4. Lý do chuyển đổi;

5. Đề xuất thời gian thực hiện chuyển đổi;

6. Cam kết thực hiện việc quản lý sử dụng nhà ở sau khi chuyển đổi.

Kèm theo văn bản đề nghị xem xét chuyển đổi công năng nhà ở này là Đề án chuyển đổi công năng nhà ở và giấy tờ pháp lý của dự án theo quy định (đối với trường hợp chuyển đổi nhà ở trong dự án) hoặc hồ sơ quản lý sử dụng nhà ở (đối với nhà ở không xây dựng theo dự án).

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu:....	**ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ HOẶC ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ QUẢN LÝ NHÀ Ở** *(Ký, ghi họ chức vụ và đóng dấu)*

[1] Ghi rõ tên tổ chức/chủ đầu tư dự án nhà ở đề nghị chuyển đổi công năng hoặc tên cơ quan, đơn vị được giao quản lý nhà ở thuộc tài sản công.
[2] Ghi rõ tên cơ quan có thẩm quyền xem xét chuyển đổi công năng nhà ở.
[3] Ghi rõ tên cơ quan có thẩm quyền xem xét chuyển đổi công năng nhà ở.

20. Thủ tục bán nhà ở cũ thuộc tài sản công

20.1. Trình tự thực hiện:

- Người mua nhà ở nộp 01 bộ hồ sơ cho đơn vị đang quản lý vận hành nhà ở hoặc cơ quan quản lý nhà ở theo quy định của cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà ở. *Trường hợp UBND cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền cho UBND cấp xã thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu nhà ở cũ thuộc tài sản công thì UBND cấp xã đồng thời là cơ quan quản lý nhà ở*[8].

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm tiếp nhận, ghi giấy biên nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ và lập danh sách người mua nhà ở;

- Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ mua nhà ở cũ thuộc tài sản công, cơ quan quản lý nhà ở phải tổ chức họp Hội đồng xác định giá bán nhà ở để xác định giá bán nhà ở;

- Trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày họp Hội đồng xác định giá bán nhà ở, cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh lập danh sách đối tượng được mua nhà ở kèm theo văn bản xác định giá bán nhà ở của Hội đồng xác định giá bán nhà ở trình cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà ở xem xét, quyết định.

Đối với nhà ở do Bộ Quốc phòng đang quản lý thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị Hội đồng xác định giá bán nhà ở họp để xác định giá; sau đó trình Bộ Quốc phòng ban hành quyết định bán nhà ở;

- Trong thời hạn tối đa 10 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo của cơ quan quản lý nhà ở, cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, ban hành quyết định bán nhà ở cũ và gửi quyết định này cho cơ quan quản lý nhà ở, đơn vị quản lý vận hành nhà ở biết để phối hợp thực hiện ký kết hợp đồng mua bán nhà ở;

- Trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày nhận quyết định bán nhà ở cũ, đơn vị quản lý vận hành nhà ở thông báo cho người mua nhà biết thời gian cụ thể để ký kết hợp đồng mua bán nhà ở;

20.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp:

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu (Địa chỉ: Tầng 1, Toà nhà số 2, Khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu; Điện thoại: 02133.796.888).

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

- Qua hệ thống bưu chính công ích.

- Trực tuyến toàn trình qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn.

20.3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

- Đơn đề nghị mua nhà ở được lập theo Mẫu số 03 của Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở[9](Mẫu đơn có quy định về các thông tin đã có trong

[8] Theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 54/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản.

[9] Nội dung được sửa đổi bổ sung tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản.

cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì các thông tin này được thay thế bằng mã số định danh cá nhân hoặc mã số chuyên ngành thể hiện trong mẫu đơn, tờ khai khi cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành được vận hành).

- Bản chính hợp đồng thuê nhà ở;

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu giấy tờ chứng minh đã nộp đủ tiền thuê nhà ở và chi phí quản lý vận hành nhà ở đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mua nhà ở đối với loại nhà ở phải nộp chi phí quản lý vận hành nhà ở; trường hợp là vợ chồng thì phải có bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu giấy chứng nhận kết hôn[10]. (Thành phần hồ sơ có quy định về các thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì các thông tin này được thay thế bằng mã số định danh cá nhân hoặc mã số chuyên ngành thể hiện trong mẫu đơn, tờ khai khi cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành được vận hành).

Trường hợp người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài thì phải có văn bản ủy quyền (có xác nhận của cơ quan công chứng hoặc chứng thực theo quy định) cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở; nếu có thành viên có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã chết thì phải có giấy chứng tử kèm theo.

Trường hợp có thành viên thuê nhà ở khước từ quyền mua và đứng tên trong Giấy chứng nhận đối với nhà ở thì phải có văn bản khước từ quyền mua, không đứng tên trong Giấy chứng nhận và cam kết không có tranh chấp, khiếu kiện về việc mua bán nhà ở này;

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền mua nhà ở (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

20.4. Thời hạn giải quyết: không quá 45 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

20.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: người đang thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công

20.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: *Ủy ban nhân dân cấp xã.*

20.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bán nhà ở cũ thuộc tài sản công.

20.8. Lệ phí*:* Không

20.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị mua nhà ở cũ thuộc tài sản công theo Mẫu số 03 của Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

20.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Điều kiện về đối tượng được mua nhà ở:

---

[10] Nội dung được sửa đổi bổ sung tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản.

- Đối tượng được mua nhà ở cũ thuộc tài sản công phải là người đang thực tế sử dụng nhà ở.

- Người mua phải có đơn đề nghị mua nhà ở lập theo Mẫu số 03 của Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

- Có hợp đồng thuê nhà ở ký với đơn vị quản lý vận hành nhà ở và có tên trong hợp đồng thuê nhà ở; trường hợp có nhiều thành viên cùng đứng tên trong hợp đồng thuê nhà ở thì các thành viên này phải thỏa thuận cử người đại diện đứng tên ký hợp đồng mua bán nhà ở với cơ quan quản lý nhà ở;

- Đã đóng đầy đủ tiền thuê nhà ở theo quy định trong hợp đồng thuê nhà ở và đóng đầy đủ các chi phí quản lý vận hành nhà ở tính đến thời điểm ký hợp đồng mua bán nhà ở (nếu có).

Trường hợp đã sử dụng nhà ở trước thời điểm ký kết hợp đồng thuê nhà ở hoặc có hợp đồng thuê nhà ở mà Nhà nước chưa thu tiền thuê nhà thì người thuê phải nộp truy thu tiền thuê nhà ở theo thời gian thực tế đã sử dụng nhà ở.

b) Điều kiện nhà ở được bán:

- Nhà ở phải không thuộc diện quy định tại Điều 68 của Nghị định 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

- Nhà ở đang thuê phải thuộc diện được bố trí sử dụng từ trước ngày 19 tháng 01 năm 2007;

- Đối với nhà ở thuộc diện phải xác lập sở hữu toàn dân theo quy định thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải hoàn tất thủ tục xác lập sở hữu toàn dân và thực hiện ký hợp đồng thuê nhà ở theo quy định trước khi bán nhà ở này;

- Đối với loại nhà không có nguồn gốc là nhà ở nhưng được bố trí sử dụng để ở từ trước ngày 19 tháng 01 năm 2007 thì nhà ở này phải đảm bảo các điều kiện: khu đất đã bố trí làm nhà ở đó có khuôn viên độc lập hoặc có thể tách biệt khỏi khuôn viên trụ sở, cơ quan; nhà ở có lối đi riêng, không che chắn mặt tiền trụ sở, cơ quan, không ảnh hưởng đến không gian, cảnh quan xung quanh; cơ quan, đơn vị không có nhu cầu sử dụng và nhà ở này phù hợp với quy hoạch sử dụng đất ở tại địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Trường hợp nhà ở do cơ quan, đơn vị có quỹ nhà ở tự quản chuyển giao cho cơ quan quản lý nhà ở tiếp nhận, quản lý hoặc nhà ở tự quản không còn cơ quan, đơn vị quản lý nhưng tại thời điểm tiếp nhận, nhà ở này đã bị phá dỡ, xây dựng lại thì cơ quan quản lý nhà ở vẫn tiếp nhận và căn cứ theo từng trường hợp cụ thể để thực hiện bán cho người đang thuê.

20.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Nhà ở năm 2023;

- Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

- Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản.

- Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.

Mẫu đơn đề nghị mua nhà ở cũ thuộc tài sản công

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MUA NHÀ Ở CŨ THUỘC TÀI SẢN CÔNG

Kính gửi[1]: ……..

Họ và tên người đề nghị[2]: …….

Năm sinh …… Giới tính ……..

Số định danh cá nhân: ……...

Nơi ở hiện tại[3]: ……..

Và vợ (chồng) là[4]: …… số định danh cá nhân ……

Tôi làm đơn này đề nghị …… *(ghi tên cơ quan quản lý nhà ở)* giải quyết cho tôi mua nhà ở tại địa chỉ ……

- Hợp đồng thuê nhà ở số …… ký ngày ……/ …… / …… với diện tích cụ thể sau:

- Tổng diện tích nhà ở đang sử dụng: …… m^2, trong đó:

+ Diện tích theo hợp đồng thuê nhà: DT nhà …..… m^2; DT đất…..…… m^2

Kèm theo đơn này là các giấy tờ liên quan như sau[5]:

1 .....

2 .....

3 .....

Hộ gia đình tôi *(bao gồm các thành viên có tên trong hợp đồng thuê nhà ở từ đủ 18 tuổi trở lên)* thống nhất cử ông (bà) ……., số định danh cá nhân…… là đại diện các thành viên trong hộ gia đình để ký hợp đồng mua bán nhà ở. Sau khi hoàn thành thủ tục mua bán nhà ở, đề nghị cơ quan có thẩm quyền ghi tên các thành viên sau vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định pháp luật về đất đai, bao gồm:

Ông (bà)…… …… số định danh cá nhân …..……..là ……..……

Ông (bà)…… …… số định danh cá nhân …..……..là ……..……

……..

Tôi xin chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước về mua bán nhà ở và cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai.

(Ghi rõ kèm theo đơn này là bản vẽ sơ đồ, vị trí nhà ở, đất ở đề nghị mua).

Các thành viên trong hộ gia đình có tên trong hợp đồng thuê nhà	*……, ngày……tháng……năm……*
(Ký và ghi rõ họ tên)[6]	**Người viết đơn**
	(Ký và ghi rõ họ tên)

[1] Ghi tên cơ quan quản lý nhà ở.
[2] Ghi tên người đại diện thay mặt các thành viên thuê nhà ở đứng tên ký kết hợp đồng mua bán nhà ở.
[3] Ghi theo quy định của pháp luật về cư trú.
[4] Ghi đầy đủ tên vợ, chồng (nếu có).
[5] Ghi rõ các giấy tờ như: hợp đồng thuê nhà; giấy tờ chứng minh đã nộp đủ tiền thuê nhà; giấy tờ chứng minh đối tượng miễn, giảm tiền mua nhà... Trường hợp các giấy tờ này có thông tin mà đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được vận hành thì người thực hiện thủ tục chỉ cần cung cấp thông tin mã số định danh cá nhân hoặc mã số chuyên ngành mà không phải nộp bản giấy các giấy tờ này.
[6] Trường hợp các thành viên trong gia đình có tên trong hợp đồng thuê nhà đã có văn bản thỏa thuận riêng về việc cử người đại diện ký hợp đồng mua bán nhà ở và danh sách những người được ghi tên vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì không nhất thiết tất cả các thành viên trong gia đình phải ký tên vào đơn này.

21. Thủ tục giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung của nhà ở cũ thuộc tài sản công

21.1. Trình tự thực hiện*:*

- Người đề nghị nộp 01 bộ hồ sơ đến đơn vị đang quản lý vận hành nhà ở hoặc đến Sở Xây dựng theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có nhà ở. *Trường hợp UBND cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền cho UBND cấp xã thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu nhà ở cũ thuộc tài sản công thì UBND cấp xã đồng thời là cơ quan quản lý nhà ở*[11].

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và ghi giấy biên nhận cho người nộp hồ sơ, trong đó ghi rõ ngày nhận kết quả. Trường hợp hồ sơ không có đủ các giấy tờ theo quy định thì trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận phải có văn bản đề nghị người có đơn bổ sung giấy tờ còn thiếu theo quy định.

Trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ là đơn vị quản lý vận hành nhà ở thì trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, đơn vị quản lý vận hành nhà ở có trách nhiệm kiểm tra và lập danh sách kèm theo hồ sơ để báo cáo Sở Xây dựng;

- Trong thời hạn tối đa 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ báo cáo của đơn vị quản lý vận hành nhà ở, Sở Xây dựng phải tổ chức họp Hội đồng xác định giá bán nhà ở để tính tiền nhà, tiền sử dụng đất theo quy định và có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

Trường hợp Sở Xây dựng tiếp nhận hồ sơ thì trong thời hạn tối đa 30 ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Xây dựng phải kiểm tra và tổ chức họp Hội đồng xác định giá bán nhà ở;

- Trong thời hạn tối đa 15 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành quyết định bán phần diện tích nhà, đất sử dụng chung trong khuôn viên nhà ở cũ cho người mua. Quyết định này được gửi đến Sở Xây dựng và đơn vị quản lý vận hành nhà ở để thông báo cho người mua biết để thực hiện ký kết hợp đồng.

- Sau khi người mua nộp nghĩa vụ tài chính theo quy định, cơ quan quản lý nhà ở chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền để cấp Giấy chứng nhận cho người mua hoặc đăng ký biến động Giấy chứng nhận đã cấp theo quy định của pháp luật về đất đai.

21.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp:

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu (Địa chỉ: Tầng 1, Toà nhà số 2, Khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu; Điện thoại: 02133.796.888).

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

- Qua hệ thống bưu chính công ích.

---

[11] Theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản.

- Trực tuyến một phần qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn.

21.3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

a) Đơn đề nghị được lập theo Mẫu số 04 của Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở[12]; (Mẫu đơn có quy định về các thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì các thông tin này được thay thế bằng mã số định danh cá nhân hoặc mã số chuyên ngành thể hiện trong mẫu đơn, tờ khai khi cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành được vận hành).

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu một trong các giấy tờ sau:

+ Giấy chứng nhận đối với phần diện tích nhà, đất đã mua; nếu chưa có Giấy chứng nhận thì phải có hợp đồng mua bán phần diện tích nhà ở đã ký với cơ quan có thẩm quyền, giấy tờ chứng minh đã thanh toán hết tiền mua phần diện tích nhà đất theo hợp đồng đã ký;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu giấy chứng nhận kết hôn đối với trường hợp là vợ chồng[13]; (Thành phần hồ sơ có quy định về các thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì các thông tin này được thay thế bằng mã số định danh cá nhân hoặc mã số chuyên ngành thể hiện trong mẫu đơn, tờ khai khi cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành được vận hành).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

21.4. Thời hạn giải quyết: không quá 50 ngày, kể từ ngày đơn vị quản lý vận hành tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ hoặc không quá 45 ngày, kể từ ngày Sở Xây dựng tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

21.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức hoặc hộ gia đình, cá nhân đang sở hữu toàn bộ diện tích nhà ở cũ thuộc tài sản công mà Nhà nước đã bán có nhu cầu mua toàn bộ phần diện tích nhà, đất sử dụng chung.

21.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: *Ủy ban nhân dân cấp xã.*

21.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bán phần diện tích nhà, đất sử dụng chung trong khuôn viên nhà ở cũ thuộc tài sản công.

21.8. Lệ phí: Không

21.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị được lập theo Mẫu số 04 của Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

---

[12] Nội dung được sửa đổi bổ sung tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản.

[13] Nội dung được sửa đổi bổ sung tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản.

21.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trường hợp nhà ở có nhiều hộ ở mà Nhà nước đã bán hết phần diện tích nhà thuộc quyền sử dụng riêng cho các hộ nhưng chưa bán phần diện tích nhà, đất sử dụng chung trong khuôn viên của nhà ở đó (diện tích nhà sử dụng chung bao gồm diện tích hành lang, cầu thang và các diện tích khác sử dụng chung trong khuôn viên nhà ở cũ thuộc tài sản công đó), nếu tổ chức hoặc hộ gia đình, cá nhân đang sở hữu toàn bộ diện tích nhà ở mà Nhà nước đã bán có nhu cầu mua toàn bộ phần diện tích nhà, đất sử dụng chung này.

21.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Nhà ở năm 2023;

- Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

- Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản.

- Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.

Mẫu đơn đề nghị giải quyết bán phần diện tích nhà, đất sử dụng chung trong nhà ở cũ thuộc tài sản công

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ [1]

Kính gửi[2]:……..

Họ và tên người đề nghị[3]:.....

Năm sinh…….Giới tính .....

Số định danh cá nhân: .....

Nơi ở hiện tại[4]: .....

và vợ (chồng)[5]: .....số định danh cá nhân .....

Nơi ở hiện tại:.....

Tôi làm đơn này đề nghị.....*(ghi tên cơ quan quản lý nhà ở)* giải quyết …….. (ghi rõ nội dung như tiêu đề đơn đề nghị).

Diện tích nhà, đất sử dụng chung đề nghị giải quyết nêu trên đã sử dụng liên tục, ổn định và không có tranh chấp, khiếu kiện. Kèm theo đơn này là các giấy tờ liên quan như sau[6]:

1 .....

2 .....

3 .....

Hộ gia đình tôi thống nhất cử ông (bà)……, số định danh cá nhân: ……là đại diện các thành viên trong hộ gia đình đứng đơn đề nghị và làm các thủ tục để được giải quyết[7]

Sau khi hoàn thành thủ tục, đề nghị cơ quan có thẩm quyền ghi tên các thành viên sau vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, bao gồm:

Ông (bà)……..…số định danh cá nhân là ……..……

Ông (bà)……..…số định danh cá nhân là ……..……

Ông (bà)……..…số định danh cá nhân là ……..…….

……..

Tôi xin chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước và cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai.

Các thành viên trong hộ gia đình người có đơn đề nghị *(Ký và ghi rõ họ tên)*[8]	*……, ngày……tháng……năm……* Người viết đơn *(Ký và ghi rõ họ tên)*

Xác nhận của UBND cấp xã về diện tích đề nghị giải quyết không

có tranh chấp, khiếu kiện, phù hợp với quy hoạch xây dựng nhà ở

---

[1] Ghi rõ đề nghị giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung trong nhà ở cũ thuộc tài sản công.

[2] Ghi tên cơ quan quản lý nhà ở.

[3] Ghi tên chủ sở hữu nhà ở.

[4] Ghi theo quy định của pháp luật về cư trú.

[5] Ghi đầy đủ họ tên vợ hoặc chồng (nếu có).

[6] Ghi rõ các giấy tờ quy định tại Điều 77 Nghị định này. Trường hợp các giấy tờ này có thông tin mà đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được vận hành thì người thực hiện thủ tục chỉ cần cung cấp thông tin mã số định danh cá nhân hoặc mã số chuyên ngành mà không phải nộp bản giấy các giấy tờ này

[7] Ghi rõ nội dung giải quyết như tiêu đề đơn đề nghị.

[8] Trường hợp người có đơn đề nghị đại diện cho hộ gia đình nhiều thành viên thì phải có đầy đủ các thành viên trong hộ gia đình ký vào đơn.

22. Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)

22.1. Trình tự thực hiện:

- Chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng công trình gửi 01 bản báo cáo kết quả thực hiện công việc tổ chức kiểm tra, kiểm định để đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình hoặc đánh giá an toàn công trình và đề xuất phương án gia cố, cải tạo, sửa chữa hư hỏng công trình (nếu có), xác định thời gian được tiếp tục sử dụng công trình sau khi sửa chữa, gia cố; tổ chức gia cố, cải tạo, sửa chữa hư hỏng công trình (nếu có) để đảm bảo công năng và an toàn sử dụng đến Trung tâm Phục vụ hành chính công trên địa bàn tỉnh.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét và cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình.

22.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp:

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu (Địa chỉ: Tầng 1, Toà nhà số 2, Khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu; Điện thoại: 02133.796.888).

+ Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

- Qua hệ thống bưu chính công ích.

- Trực tuyến toàn trình qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn.

22.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Báo cáo kết quả thực hiện công việc tổ chức kiểm tra, kiểm định để đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình hoặc đánh giá an toàn công trình và đề xuất phương án gia cố, cải tạo, sửa chữa hư hỏng công trình (nếu có), xác định thời gian được tiếp tục sử dụng công trình sau khi sửa chữa, gia cố; tổ chức gia cố, cải tạo, sửa chữa hư hỏng công trình (nếu có) để đảm bảo công năng và an toàn sử dụng theo Phụ lục XIa Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

22.4. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận báo cáo kết quả thực hiện công việc của Chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng công trình.

22.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng công trình.

22.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: *Uỷ ban nhân dân cấp xã.*

22.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thông báo ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình theo Phụ lục XIb Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

22.8. Lệ phí, phí: Không có.

22.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Báo cáo về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình theo quy định tại Phụ lục XIa Nghị định số 207/2026/NĐ-CP;

- Thông báo ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình theo quy định tại Phụ lục XIb Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

22.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

22.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

- Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

- Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.

MẪU BÁO CÁO VỀ VIỆC KÉO DÀI THỜI HẠN SỬ DỤNG CỦA CÔNG TRÌNH

(Phụ lục XIa ban hành kèm theo Nghị định số 207/2026/NĐ-CP)

…(1)...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /……	*……, ngày tháng năm 202...*

BÁO CÁO VỀ VIỆC KÉO DÀI THỜI HẠN SỬ DỤNG CỦA CÔNG TRÌNH

Kính gửi: .....(2) .....

.....(1) .... báo cáo về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình với các nội dung sau:

1. Thông tin về công trình

- Tên và địa chỉ công trình;
- Mã định danh công trình xây dựng …(3) ...
- Tên chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng công trình;
- Loại và cấp công trình;
- Quy mô công trình;
- Năm xây dựng và năm đưa vào sử dụng;
- Thời hạn sử dụng theo thiết kế.

2. Kết quả thực hiện

.....(1) .... đã tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện các công việc:

- Kết quả kiểm tra, kiểm định để đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình và đề xuất phương án gia cố, cải tạo, sửa chữa hư hỏng công trình (nếu có), xác định thời gian được tiếp tục sử dụng công trình sau khi sửa chữa, gia cố;
- Công tác gia cố, cải tạo, sửa chữa hư hỏng công trình (nếu có) để bảo đảm công năng và an toàn sử dụng.

Đề nghị.... (2) .... xem xét và cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình.

Nơi nhận:	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CHỦ SỞ HỮU HOẶC CHỦ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH**
- Như trên;	*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)*
- Lưu: ...	

Ghi chú:

(1) Tên của chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng công trình.

(2) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 9 Điều 43 Nghị định này.

(3) Mã định danh công trình xây dựng theo quy định của Chính phủ về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

MẪU THÔNG BÁO

Ý KIẾN VỀ VIỆC KÉO DÀI THỜI HẠN SỬ DỤNG CỦA CÔNG TRÌNH

(Phụ lục XIb ban hành kèm theo Nghị định số 207/2026/NĐ-CP)

…(1)...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /……	*……, ngày tháng năm 202...*

THÔNG BÁO

Ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình

Kính gửi: .....(2).....

Căn cứ khoản 9 Điều 43 Nghị định số ..../2026/NĐ-CP ngày ..../.../2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ báo cáo số ... ngày ... của ...(2)... về việc ... (Mã hồ sơ TTHC số...); Căn cứ khác *(nếu có);*

....(1) .... thông báo ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng đối với công trình như sau:

1. Thông tin về công trình

- Tên và địa chỉ công trình;
- Mã định danh công trình xây dựng..(4)..
- Tên chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng công trình;
- Loại và cấp công trình;
- Quy mô công trình;
- Năm xây dựng và năm đưa vào sử dụng;
- Thời hạn sử dụng theo thiết kế.

2. Ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng công trình.....

Nơi nhận:	**LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**
- Như trên;	*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)*
- .....(để b/c);	
- Bộ phận một cửa;	
- (3);	
- Lưu:...	

Ghi chú:

(1) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 9 Điều 43 Nghị định này.
(2) Tên của chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng công trình.
(3) Các cơ quan có liên quan (nếu cần).
(4) Mã định danh công trình xây dựng theo quy định của Chính phủ về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.